# VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu**

(Tiếp theo Công báo số 663 + 664)

# MẪU SỐ 3B

# MẪU BÁO CÁO THẨM ĐỊNH DANH SÁCH NHÀ THẦU ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

**(cho gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, gói thầu áp dụng hình thức chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường)**

*(Kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

| | |
|---|---|
| **[TÊN ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH/ TỔ THẨM ĐỊNH]** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ___ *(nếu có)* | *____, ngày ___ tháng ___ năm ____* |

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**
**DANH SÁCH NHÀ THẦU ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

Gói thầu_____ *[Ghi tên gói thầu]*
thuộc _____ *[Ghi tên dự án[1]]*
Kính gửi: ____ *[Ghi tên chủ đầu tư]*

Trên cơ sở Tờ trình số ___ *[Ghi số hiệu Tờ trình đề nghị phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật]* ngày ___ *[Ghi thời gian văn bản trình duyệt]* của ___ *[Ghi tên bên mời thầu]* đề nghị phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu ___ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc ___ *[Ghi tên dự án]* và các tài liệu liên quan kèm theo;

Kết quả thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được tổng hợp theo các nội dung sau:

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN**

**1. Căn cứ pháp lý**

Báo cáo thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được thẩm định trên cơ sở căn cứ pháp lý sau đây:

- Căn cứ[2] ___ *[Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội];*

- Căn cứ[1] ___ *[Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];*

- Căn cứ ___ *[Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định hoặc hợp đồng thuê tư vấn];*

- Căn cứ ___ *[Các văn bản có liên quan khác];*

**2. Khái quát về dự án, gói thầu**

*Khái quát nội dung chính của dự án và gói thầu, các cơ sở pháp lý của việc lựa chọn nhà thầu.*

---

[1]Trường hợp là dự toán mua sắm thì thay toàn bộ cụm từ "dự án" thành "dự toán mua sắm".

[2]Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

**3. Tóm tắt quá trình lựa chọn nhà thầu**

*Phần này nêu tóm tắt toàn bộ quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu từ khi có thông báo mời thầu/gửi thư mời thầu đến khi trình thẩm định, phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và đề xuất, kiến nghị của Bên mời thầu về danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.*

**4. Tổ chức thẩm định**

a) Đơn vị thẩm định/tổ thẩm định

Đơn vị thẩm định/tổ thẩm định là: ___ *[ghi rõ tên đơn vị, phòng, ban thực hiện thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ được phân công hoặc tên đơn vị tư vấn đấu thầu được thuê theo hợp đồng hoặc tổ thẩm định được thành lập]*.

b) Cách thức làm việc

*Phần này nêu rõ cách thức làm việc (theo nhóm hoặc cá nhân) của đơn vị thẩm định/tổ thẩm định trong quá trình thẩm định, cách xử lý khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại.*

*Đính kèm vào báo cáo thẩm định: bản chụp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên tham gia thẩm định trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định theo quy định của pháp luật đấu thầu.*

**II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH**

**1. Căn cứ pháp lý**

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

**Bảng số 01**

| **STT** | **Nội dung kiểm tra** | **Kết quả kiểm tra** | |
|---|---|---|---|
| | | **Có** | **Không có** |
| | [1] | [2] | [3] |
| 1 | - Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án<br>- Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh (nếu có) | | |

| STT | Nội dung kiểm tra | Kết quả kiểm tra | |
|---|---|---|---|
| | | Có | Không có |
| 2 | - Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có)<br>- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu,<br>- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh (nếu có) | | |
| 3 | Điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài | | |
| 4 | - Hồ sơ thiết kế, dự toán của gói thầu, yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có); đối với gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc điều khoản tham chiếu đối với gói thầu tư vấn.<br>- Các văn bản về việc điều chỉnh các tài liệu nêu trên (nếu có) | | |
| 5 | Quyết định phê duyệt danh sách ngắn (nếu có) | | |
| 6 | - Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu<br>- Quyết định phê duyệt sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có) | | |
| 7 | Quyết định thành lập tổ chuyên gia/hợp đồng (nếu có) thuê cá nhân, tổ chức, đơn vị đánh giá hồ sơ dự thầu[1] | | |
| 8 | Báo cáo đánh giá do tổ chuyên gia thực hiện | | |
| 9 | Các văn bản pháp lý khác có liên quan bao gồm cả các văn bản về xử lý tình huống (nếu có) | | |

[1]Đối với nội dung này đơn vị thẩm định/tổ thẩm định phải kiểm tra việc các thành viên tổ chuyên gia có đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 19 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và Điều 19 Nghị định 24/2024/NĐ-CP hay không.

*Ghi chú:*

*- Cột [2] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà đơn vị thẩm định/tổ thẩm định nhận được.*

*- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà đơn vị thẩm định/tổ thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).*

b) Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

*Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, đơn vị thẩm định/tổ thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý và những lưu ý cần thiết.*

**2. Quá trình tổ chức thực hiện**

Đơn vị thẩm định/tổ thẩm định kiểm tra và có ý kiến về quá trình tổ chức thực hiện theo các nội dung dưới đây:

2.1. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp tại **Bảng số 02** dưới đây:

**Bảng số 02**

| **Stt** | **Nội dung kiểm tra** | **Thời gian thực tế thực hiện**[1] | **Kết quả thẩm định** | |
|---|---|---|---|---|
| | | | **Tuân thủ** | **Không tuân thủ** |
| | [1] | [2] | [3] | [4] |
| 1 | Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có) | *[Ghi ngày phê duyệt và ngày đăng tải Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu]* | | |
| 2 | Kế hoạch lựa chọn nhà thầu | *[Ghi ngày phê duyệt và ngày đăng tải Kế hoạch lựa chọn nhà thầu]* | | |
| 3 | Thông báo mời thầu | *[Ghi ngày đăng tải thông báo mời thầu]* | | |

[1]Đối với các nội dung đăng tải trên Hệ thống phải lấy theo thời gian đăng tải thực tế trên Hệ thống

| Stt | Nội dung kiểm tra | Thời gian thực tế thực hiện[1] | Kết quả thẩm định | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Tuân thủ | Không tuân thủ |
| 4 | Thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu, thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu | *[Ghi thời điểm thực tế phát hành hồ sơ mời thầu; ghi số ngày chuẩn bị hồ sơ dự thầu: từ ngày đăng tải thông báo mời thầu đến ngày có thời điểm đóng thầu]* | | |
| 5 | Thời gian tổ chức hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) | *[Ghi thời gian bắt đầu, kết thúc, địa điểm thực tế tổ chức hội nghị tiền đấu thầu]* | | |
| 6 | Thời gian tổ chức khảo sát hiện trường (nếu có) | *[Ghi thời gian bắt đầu, kết thúc, địa điểm thực tế tổ chức khảo sát hiện trường]* | | |
| 7 | Thời gian yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu của nhà thầu (nếu có) | *[Ghi thời gian thực tế yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu của nhà thầu, số lần yêu cầu làm rõ đối với gói thầu]* | | |
| 8 | Thời gian làm rõ hồ sơ mời thầu của Bên mời thầu (nếu có) | *[Ghi thời gian thực tế làm rõ hồ sơ mời thầu]* | | |
| 9 | Thời gian sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có) | *[Ghi thời gian thực tế sửa đổi hồ sơ mời thầu]* | | |
| 10 | Thời điểm đóng thầu | *[Ghi thời điểm đóng thầu]* | | |
| 11 | Gia hạn thời điểm đóng thầu | *[Ghi cụ thể số ngày gia hạn, thời điểm đóng thầu mới được gia hạn]* | | |
| 12 | Mở thầu | *[Ghi thời gian trong biên bản mở thầu]* | | |
| 13 | Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu | *[Ghi thời gian thực tế đánh giá hồ sơ dự thầu từ ngày mở thầu đến ngày trình phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật]* | | |

*Ghi chú:*

*- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định về thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.*

*- Cột [4] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó được đánh giá là không tuân thủ quy định về thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật.*

b) Ý kiến thẩm định về thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 02**, đơn vị thẩm định/tổ thẩm định đưa ra ý kiến về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu (đặc biệt là những vi phạm về thời gian được quy định trong Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn) và những lưu ý cần thiết.

Đối với các nội dung (5), (6), (7), (8), (9) trường hợp nhà thầu có phản ánh, kiến nghị về các nội dung này, đơn vị thẩm định/tổ thẩm định phải ghi rõ nội dung phản ánh, kiến nghị và có ý kiến về các nội dung này.

2.2. Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:

Kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu được tổng hợp tại **Bảng số 03** dưới đây:

**Bảng số 03**

| **Stt** | **Nội dung kiểm tra** | **Kết quả thẩm định** | |
|---|---|---|---|
| | | **Tuân thủ** | **Không tuân thủ** |
| | [1] | [2] | [3] |
| 1 | Nội dung đánh giá tính hợp lệ | | |
| 2 | Nội dung đánh giá về năng lực, kinh nghiệm[1] | | |
| 3 | Nội dung đánh giá về kỹ thuật | | |

[1]Bỏ nội dung này đối với gói thầu dịch vụ tư vấn

*Ghi chú:*

*- Cột [2] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu cầu được duyệt.*

*- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là không tuân thủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá được duyệt. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật và quy định trong hồ sơ mời thầu.*

b) Ý kiến thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 03**, đơn vị thẩm định/tổ thẩm định đưa ra ý kiến về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu chưa phù hợp và những lưu ý cần thiết, bao gồm:

*- Kết quả đánh giá;*

*- Danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại bỏ nhà thầu;*

*- Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Nhận xét về đề xuất biện pháp xử lý của tổ chuyên gia trong trường hợp này;*

*- Nội dung của hồ sơ mời thầu không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc nội dung có thể dẫn đến cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có); nhận xét về đề xuất biện pháp xử lý của tổ chuyên gia trong trường hợp này;*

*- Đề xuất biện pháp xử lý đối với trường hợp phát hiện sự không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật;*

*- Ý kiến khác (nếu có).*

## III. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA CÁC THÀNH VIÊN TỔ CHUYÊN GIA, BÊN MỜI THẦU (NẾU CÓ)

**1. Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia (nếu có):**

*Phần này nêu các ý kiến khác biệt, bảo lưu của thành viên tổ chuyên gia trong báo cáo đánh giá (nếu có).*

**2. Tổng hợp các ý kiến khác biệt giữa Bên mời thầu và tổ chuyên gia (nếu có):**

*Phần này nêu các ý kiến khác biệt giữa Bên mời thầu và tổ chuyên gia (nếu có).*

**3. Ý kiến thẩm định về các ý kiến khác biệt, bảo lưu nêu trên (nếu có):**

*Phần này đưa ra nhận xét của đơn vị thẩm định/tổ thẩm định về ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia; ý kiến khác biệt giữa Bên mời thầu và tổ chuyên gia (nếu có).*

**IV. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA THÀNH VIÊN THAM GIA THẨM ĐỊNH TRONG ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH/TỔ THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)**

*Ghi rõ ý kiến của khác biệt, bảo lưu của thành viên tham gia thẩm định trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định và đề nghị thành viên đó ký tên vào phần bảo lưu ý kiến.*

**V. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH**

Ý kiến thẩm định đối với gói thầu được tổng hợp tại **Bảng số 04** dưới đây:

**Bảng số 04**

| **Stt** | **Nội dung kiểm tra** | **Ý kiến thẩm định** | |
|---|---|---|---|
| | | **Thống nhất** | **Không thống nhất** |
| | [1] | [2] | [3] |
| **1** | **Căn cứ pháp lý** | | |
| **2** | **Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu** | | |
| **3** | **Nội dung thẩm định kết quả đánh giá về kỹ thuật/hồ sơ đề xuất về kỹ thuật** | | |
| 3.1 | Nội dung đánh giá tính hợp lệ | | |
| 3.2 | Nội dung đánh giá về năng lực, kinh nghiệm[1] | | |
| 3.3 | Nội dung đánh giá về kỹ thuật | | |

*Ghi chú:*

*Trường hợp đơn vị thẩm định/tổ thẩm định thống nhất với nội dung tại cột [1] thì đánh dấu "X" vào các ô tương ứng tại cột số [2]; trường hợp không thống nhất thì đánh dấu "X" vào các ô tương ứng tại cột số [3].*

**VI. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ**

**1. Nhận xét**

Trên cơ sở các nhận xét theo từng nội dung nêu trên, đơn vị thẩm định/tổ thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về các nội dung như sau:

[1]Bỏ nội dung này đối với gói thầu dịch vụ tư vấn

*- Về cơ sở pháp lý;*

*- Về kết quả đánh giá;*

*- Về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch trong quá trình tổ chức đấu thầu;*

*- Ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất về danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể;*

**2. Kiến nghị**

Trên cơ sở đề nghị của Bên mời thầu về danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và nội dung tại báo cáo thẩm định này, _____ *[Ghi tên đơn vị thẩm định/tổ thẩm định]* kiến nghị _____ *[Ghi tên chủ đầu tư]* phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc _____ *[Ghi tên dự án]* theo các nội dung sau:

| **Stt** | **Tên nhà thầu** | **Điểm kỹ thuật** *(nếu có)* | **Xếp hạng** *(nếu có)* |
|---|---|---|---|
| 1 | *[Ghi tên đầy đủ, quốc tịch (trong trường hợp đấu thầu quốc tế) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật]* | | |
| 2 | | | |
| … | | | |

*Trường hợp đơn vị thẩm định/tổ thẩm định không thống nhất với đề nghị của Bên mời thầu hoặc chưa có đủ cơ sở kết luận về danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì đưa ra đề xuất và kiến nghị về biện pháp xử lý tiếp theo đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan nhằm đẩy nhanh quá trình triển khai thực hiện gói thầu, dự án để chủ đầu tư xem xét, quyết định.*

*Các ý kiến khác (nếu có).*

Báo cáo thẩm định này được lập bởi: ___ *[Ghi đầy đủ họ và tên, chữ ký của từng thành viên tham gia thẩm định trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định].*

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Bên mời thầu;
- Lưu VT.

**[Đơn vị thẩm định]**
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

## Phụ lục

## DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH DANH SÁCH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Liệt kê danh mục các tài liệu đơn vị thẩm định/tổ thẩm định nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu) để thực hiện việc thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật.

Phải đính kèm báo cáo thẩm định bản cam kết và chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên tham gia thẩm định trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định.

**Mẫu Bản cam kết**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*_____, ngày ____ tháng____ năm ____*

# BẢN CAM KẾT

- Tôi tên là: _____ *[Ghi tên thành viên tham gia thẩm định trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định]*

- Địa chỉ:_____ *[Ghi rõ địa chỉ]*

- Số CCCD/Hộ chiếu:_____ *[Ghi số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, cơ quan cấp]*

Là thành viên tham gia thẩm định *[Ghi nội dung thẩm định, ví dụ: danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật,...]* gói thầu *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *[Ghi tên dự án]* theo ___ *[ghi rõ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc được giao hoặc hợp đồng thuê tư vấn].*

Tôi cam kết như sau:

- Đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;

- Thẩm định *[Ghi nội dung thẩm định, ví dụ: danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật,...]* trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên.

- Chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 81 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.

Nếu tôi vi phạm nội dung cam kết nêu trên, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*__, ngày__tháng__năm___*

**Người cam kết**

*[Ký, ghi rõ họ tên]*

# MẪU SỐ 3C

# MẪU BÁO CÁO THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU[1]

*(Kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

[1]Trường hợp gói thầu đã thực hiện thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì khi thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, đối với các nội dung đã được thẩm định tại bước thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, đơn vị thẩm định/tổ thẩm định ghi "đã được thẩm định tại báo cáo thẩm định số… ngày .../…/…)".

Trường hợp có sự thay đổi với báo cáo thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trước đó thì phải ghi rõ trong báo cáo này nội dung thay đổi.

| | |
|---|---|
| **[TÊN ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH]**<br>**TỔ THẨM ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| *Số: _____ (nếu có)* | *_____, ngày ___ tháng ___ năm ___* |

# BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
# KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]*
thuộc _____ *[Ghi tên dự án[1]]*
Kính gửi: ___ *[Ghi tên chủ đầu tư]*

*Trên cơ sở Tờ trình số ___ [Ghi số hiệu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] ngày ___ [Ghi thời gian văn bản trình duyệt] của ___ [Ghi tên Bên mời thầu]* đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu ___ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc ___ *[Ghi tên dự án]* và các tài liệu liên quan kèm theo;

Kết quả thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu được tổng hợp theo các nội dung sau:

## I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN

### 1. Căn cứ pháp lý

Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu được thẩm định trên cơ sở căn cứ pháp lý sau đây:

- Căn cứ[2] ___ *[Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội];*

- Căn cứ[2] ___ *[Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];*

- Căn cứ ___ *[Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định hoặc hợp đồng thuê tư vấn];*

- Căn cứ ___ *[Các văn bản có liên quan khác];*

### 2. Khái quát về dự án, gói thầu

*Khái quát nội dung chính của dự án và gói thầu, các cơ sở pháp lý của việc lựa chọn nhà thầu.*

---

[1]Trường hợp là dự toán mua sắm thì thay toàn bộ cụm từ "dự án" thành "dự toán mua sắm"

[2]Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

**3. Tóm tắt quá trình lựa chọn nhà thầu**

*Phần này nêu tóm tắt toàn bộ quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu từ khi có thông báo mời thầu/gửi thư mời thầu đến khi trình thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và đề xuất, kiến nghị của Bên mời thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu.*

**4. Tổ chức thẩm định**

a) Đơn vị thẩm định/tổ thẩm định

Đơn vị thẩm định/tổ thẩm định là: ___ *[ghi rõ tên đơn vị, phòng, ban thực hiện thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ được phân công hoặc tên đơn vị tư vấn đấu thầu được thuê theo hợp đồng hoặc tổ thẩm định được thành lập].*

b) Cách thức làm việc

*Phần này nêu rõ cách thức làm việc (theo nhóm hoặc cá nhân) của đơn vị thẩm định/tổ thẩm định trong quá trình thẩm định, cách xử lý khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại.*

*Đính kèm vào báo cáo thẩm định: bản chụp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên trong tổ thẩm định theo quy định của pháp luật đấu thầu.*

**II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH**

**1. Căn cứ pháp lý**

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

**Bảng số 01**

| **STT** | **Nội dung kiểm tra** | **Kết quả kiểm tra** | |
|---|---|---|---|
| | | **Có** | **Không có** |
| | [1] | [2] | [3] |
| 1 | - Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có Quyết định phê duyệt dự án<br>- Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh (nếu có) | | |

| STT | Nội dung kiểm tra | Kết quả kiểm tra | |
|---|---|---|---|
| | | Có | Không có |
| 2 | - Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có)<br>- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu,<br>- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh (nếu có) | | |
| 3 | Điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài | | |
| 4 | - Hồ sơ thiết kế, dự toán của gói thầu, yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có); đối với gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc điều khoản tham chiếu đối với gói thầu tư vấn.<br>- Các văn bản về việc điều chỉnh các tài liệu nêu trên (nếu có) | | |
| 5 | Quyết định phê duyệt danh sách ngắn (nếu có) | | |
| 6 | - Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu<br>- Quyết định phê duyệt sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có) | | |
| 7 | Quyết định thành lập tổ chuyên gia/hợp đồng (nếu có) thuê cá nhân, tổ chức, đơn vị đánh giá hồ sơ dự thầu[1] | | |
| 8 | Báo cáo đánh giá do tổ chuyên gia thực hiện | | |
| 9 | Các văn bản pháp lý khác có liên quan bao gồm cả các văn bản về xử lý tình huống (nếu có) | | |

*Ghi chú:*

*- Cột [2] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà đơn vị thẩm định/tổ thẩm định nhận được.*

[1]Đối với nội dung này đơn vị thẩm định/tổ thẩm định phải kiểm tra việc các thành viên tổ chuyên gia có đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 19 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và Điều 19 Nghị định 24/2024/NĐ-CP hay không.

*- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột [1] mà đơn vị thẩm định/tổ thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).*

b) Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

*Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 01**, đơn vị thẩm định/tổ thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý và những lưu ý cần thiết.*

**2. Quá trình tổ chức thực hiện**

Đơn vị thẩm định/tổ thẩm định kiểm tra và có ý kiến về quá trình tổ chức thực hiện theo các nội dung dưới đây:

2.1. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Kết quả thẩm định về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu được tổng hợp tại **Bảng số 02** dưới đây:

**Bảng số 02**

| **Stt** | **Nội dung kiểm tra** | **Thời gian thực tế thực hiện[1]** | **Kết quả thẩm định** | |
|---|---|---|---|---|
| | | | **Tuân thủ** | **Không tuân thủ** |
| | [1] | [2] | [3] | [4] |
| 1 | Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có) | *[Ghi ngày phê duyệt và ngày đăng tải Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu]* | | |
| 2 | Kế hoạch lựa chọn nhà thầu | *[Ghi ngày phê duyệt và ngày đăng tải Kế hoạch lựa chọn nhà thầu]* | | |
| 3 | Thông báo mời thầu | *[Ghi ngày đăng tải thông báo mời thầu]* | | |

[1] Đối với các nội dung đăng tải trên Hệ thống phải lấy theo thời gian đăng tải thực tế trên Hệ thống

| Stt | Nội dung kiểm tra | Thời gian thực tế thực hiện[1] | Kết quả thẩm định | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Tuân thủ | Không tuân thủ |
| 4 | Thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu, thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu | *[Ghi thời điểm thực tế phát hành hồ sơ mời thầu; ghi số ngày chuẩn bị hồ sơ dự thầu: từ ngày đăng tải thông báo mời thầu đến ngày có thời điểm đóng thầu]* | | |
| 5 | Thời gian tổ chức hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) | *[Ghi thời gian bắt đầu, kết thúc, địa điểm thực tế tổ chức hội nghị tiền đấu thầu]* | | |
| 6 | Thời gian tổ chức khảo sát hiện trường (nếu có) | *[Ghi thời gian bắt đầu, kết thúc, địa điểm thực tế tổ chức khảo sát hiện trường]* | | |
| 7 | Thời gian yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu của nhà thầu (nếu có) | *[Ghi thời gian thực tế yêu cầu làm rõ hồ sơ mời thầu của nhà thầu, số lần yêu cầu làm rõ đối với gói thầu]* | | |
| 8 | Thời gian làm rõ hồ sơ mời thầu của Bên mời thầu (nếu có) | *[Ghi thời gian thực tế làm rõ hồ sơ mời thầu]* | | |
| 9 | Thời gian sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có) | *[Ghi thời gian thực tế sửa đổi hồ sơ mời thầu]* | | |
| 10 | Thời điểm đóng thầu | *[Ghi thời điểm đóng thầu]* | | |
| 11 | Gia hạn thời điểm đóng thầu | *[Ghi cụ thể số ngày gia hạn, thời điểm đóng thầu mới được gia hạn]* | | |
| 12 | Mở thầu | *[Ghi thời gian trong biên bản mở thầu. Đối với gói thầu áp dụng phương thức 1 giai đoạn 2 túi hồ sơ, cần nêu rõ:*<br>*- Thời gian mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật;*<br>*- Thời gian mở hồ sơ đề xuất về tài chính]* | | |

| Stt | Nội dung kiểm tra | Thời gian thực tế thực hiện[1] | Kết quả thẩm định | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Tuân thủ | Không tuân thủ |
| 13 | Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu | *[Ghi thời gian thực tế đánh giá hồ sơ dự thầu từ ngày mở thầu đến ngày trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.*<br>*Đối với gói thầu áp dụng phương thức 1 giai đoạn 2 túi hồ sơ, cần nêu rõ thời gian đánh giá như sau:*<br>*- Thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (tính từ ngày mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đến ngày trình danh sách đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật);*<br>*- Thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính (tính từ ngày mở hồ sơ đề xuất về tài chính đến ngày trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;*<br>*- Tổng số ngày đánh giá:]* | | |

*Ghi chú:*

*- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ quy định về thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.*

*- Cột [4] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó được đánh giá là không tuân thủ quy định về thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật.*

b) Ý kiến thẩm định về thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu:

*Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 02**, đơn vị thẩm định/tổ thẩm định đưa ra ý kiến về thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu (đặc biệt là những vi phạm về thời gian được quy định*

*trong Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn) và những lưu ý cần thiết.*

*Đối với các nội dung (5), (6), (7), (8), (9) trường hợp nhà thầu có phản ánh, kiến nghị về các nội dung này, đơn vị thẩm định/tổ thẩm định phải ghi rõ nội dung phản ánh, kiến nghị và có ý kiến về các nội dung này.*

2.2. Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:

Kết quả thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu được tổng hợp tại **Bảng số 03** dưới đây:

**Bảng số 03**

| **Stt** | **Nội dung kiểm tra** | **Kết quả thẩm định** | |
|---|---|---|---|
| | | **Tuân thủ** | **Không tuân thủ** |
| | [1] | [2] | [3] |
| 1 | **Nội dung thẩm định kết quả đánh giá về kỹ thuật/hồ sơ đề xuất về kỹ thuật** | | |
| 1.1 | Nội dung đánh giá tính hợp lệ | | |
| 1.2 | Nội dung đánh giá về năng lực, kinh nghiệm[1] | | |
| 1.3 | Nội dung đánh giá về kỹ thuật | | |
| 2 | **Nội dung thẩm định kết quả đánh giá về tài chính/hồ sơ đề xuất về tài chính** | | |
| 2.1 | Nội dung đánh giá về tài chính/hồ sơ đề xuất về tài chính | | |

*Ghi chú:*

*- Cột [2] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là tuân thủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu được duyệt.*

[1]Bỏ nội dung này đối với gói thầu dịch vụ tư vấn

*- Cột [3] đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng nội dung nêu tại cột [1] nếu kết quả kiểm tra về nội dung đó là không tuân thủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá được duyệt. Tại điểm b Khoản này, nêu rõ Mục, Điều, Khoản, Điểm không tuân thủ hoặc không phù hợp theo quy định của pháp luật và quy định trong hồ sơ mời thầu.*

b) Ý kiến thẩm định về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:

Căn cứ các tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 03**, đơn vị thẩm định/tổ thẩm định đưa ra ý kiến về nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu chưa phù hợp và những lưu ý cần thiết, bao gồm:

*- Kết quả đánh giá;*

*- Danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại bỏ nhà thầu;*

*- Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Nhận xét về đề xuất biện pháp xử lý của tổ chuyên gia trong trường hợp này;*

*- Nội dung của hồ sơ mời thầu không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc nội dung có thể dẫn đến cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có); nhận xét về đề xuất biện pháp xử lý của tổ chuyên gia trong trường hợp này;*

*- Việc tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có); sự phù hợp giữa kết quả thương thảo hợp đồng so với kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có), danh sách xếp hạng nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu;*

*- Đề xuất biện pháp xử lý đối với trường hợp phát hiện sự không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu;*

*- Ý kiến khác (nếu có).*

**III. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA CÁC THÀNH VIÊN TỔ CHUYÊN GIA, BÊN MỜI THẦU (NẾU CÓ)**

**1. Tổng hợp các ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia (nếu có):**

*Phần này nêu các ý kiến khác biệt, bảo lưu của thành viên tổ chuyên gia trong báo cáo đánh giá (nếu có).*

**2. Tổng hợp các ý kiến khác biệt giữa Bên mời thầu và tổ chuyên gia (nếu có):**

*Phần này nêu các ý kiến khác biệt giữa Bên mời thầu và tổ chuyên gia (nếu có).*

**3. Ý kiến thẩm định về các ý kiến khác biệt, bảo lưu nêu trên (nếu có):**

*Phần này đưa ra nhận xét của đơn vị thẩm định/tổ thẩm định về ý kiến khác biệt, bảo lưu của các thành viên tổ chuyên gia; ý kiến khác biệt giữa Bên mời thầu và tổ chuyên gia (nếu có).*

**IV. VỀ Ý KIẾN KHÁC BIỆT, BẢO LƯU CỦA THÀNH VIÊN THAM GIA THẨM ĐỊNH TRONG ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH/TỔ THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)**

*Ghi rõ ý kiến của khác biệt, bảo lưu của thành viên tham gia thẩm định trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định và đề nghị thành viên đó ký tên vào phần bảo lưu ý kiến.*

**V. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH**

Ý kiến thẩm định đối với gói thầu được tổng hợp tại **Bảng số 04** dưới đây:

**Bảng số 04**

| **Stt** | **Nội dung kiểm tra** | **Ý kiến thẩm định** | |
|---|---|---|---|
| | | **Thống nhất** | **Không thống nhất** |
| | [1] | [2] | [3] |
| **1** | **Căn cứ pháp lý** | | |
| **2** | **Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu** | | |
| **3** | **Nội dung thẩm định kết quả đánh giá về kỹ thuật/hồ sơ đề xuất về kỹ thuật** | | |
| 3.1 | Nội dung đánh giá tính hợp lệ | | |
| 3.2 | Nội dung đánh giá về năng lực, kinh nghiệm[1] | | |
| 3.3 | Nội dung đánh giá về kỹ thuật | | |
| **4** | **Nội dung thẩm định kết quả đánh giá về tài chính/ hồ sơ đề xuất về tài chính** | | |
| 3.4 | Nội dung đánh giá về tài chính/hồ sơ đề xuất về tài chính | | |

*Ghi chú:*

*Trường hợp đơn vị thẩm định/tổ thẩm định thống nhất với nội dung tại cột [1] thì đánh dấu "X" vào các ô tương ứng tại cột số [2]; trường hợp không thống nhất thì đánh dấu "X" vào các ô tương ứng tại cột số [3].*

[1]Bỏ nội dung này đối với gói thầu dịch vụ tư vấn

## VI. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Nhận xét

Trên cơ sở các nhận xét theo từng nội dung nêu trên, đơn vị thẩm định/tổ thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về các nội dung như sau:

- *Về cơ sở pháp lý;*

- *Về kết quả đánh giá;*

- *Về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch trong quá trình tổ chức đấu thầu;*

- *Ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất về kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật/kết quả lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể;*

### 2. Kiến nghị

Trên cơ sở đề nghị của Bên mời thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu và nội dung tại báo cáo thẩm định này, _____ *[Ghi tên đơn vị thẩm định/tổ thẩm định]* kiến nghị _____ *[Ghi tên chủ đầu tư]* phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc _____ *[Ghi tên dự án]* theo các nội dung sau:

| **Stt** | **Tên nhà thầu** | **Điểm kỹ thuật** *(nếu có)* | **Xếp hạng** *(nếu có)* |
|---|---|---|---|
| 1 | *[Ghi tên đầy đủ, quốc tịch (trong trường hợp đấu thầu quốc tế) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật]* | | |
| 2 | | | |
| … | | | |

*Trường hợp đơn vị thẩm định/tổ thẩm định không thống nhất với đề nghị của Bên mời thầu hoặc chưa có đủ cơ sở kết luận về kết quả lựa chọn nhà thầu thì đưa ra đề xuất và kiến nghị về biện pháp xử lý tiếp theo đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan nhằm đẩy nhanh quá trình triển khai thực hiện gói thầu, dự án để chủ đầu tư xem xét, quyết định.*

*Các ý kiến khác (nếu có).*

Báo cáo thẩm định này được lập bởi: ___ *[Ghi đầy đủ họ và tên, chữ ký của từng thành viên tham gia thẩm định trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định].*

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Bên mời thầu;
- Lưu VT.

**[Đơn vị thẩm định]**
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

## Phụ lục

## DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Liệt kê danh mục các tài liệu đơn vị thẩm định/tổ thẩm định nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu) để thực hiện việc thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật.

Phải đính kèm báo cáo thẩm định bản cam kết và chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên tham gia thẩm định trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định.

**Mẫu Bản cam kết**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*_____, ngày ____ tháng____ năm ____*

# BẢN CAM KẾT

- Tôi tên là: _____ *[Ghi tên thành viên tham gia thẩm định trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định]*

- Địa chỉ:_____ [*Ghi rõ địa chỉ]*

- Số CCCD/Hộ chiếu:_____ [*Ghi số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, cơ quan cấp]*

Là thành viên tham gia thẩm định *[Ghi nội dung thẩm định, ví dụ: kết quả lựa chọn nhà thầu,...]* gói thầu *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *[Ghi tên dự án]* theo ___ *[ghi rõ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc được giao hoặc hợp đồng thuê tư vấn].*

Tôi cam kết như sau:

- Đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;

- Thẩm định *[Ghi nội dung thẩm định, ví dụ: kết quả lựa chọn nhà thầu,...]* trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên.

- Chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 81 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.

Nếu tôi vi phạm nội dung cam kết nêu trên, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*___, ngày__tháng__năm___*

**Người cam kết**

*[Ký, ghi rõ họ tên]*

**Mẫu số 4.1A. Mẫu Kế hoạch kiểm tra định kỳ hoạt động đấu thầu**

*(Kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

| | |
|---|---|
| **[TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA]** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:… /… | *……., ngày…… tháng…… năm……* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra định kỳ hoạt động đấu thầu[1] năm...[2] của...[3]**

**[NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA]**

*[Nêu các căn cứ để ban hành Kế hoạch kiểm tra;*

*Xét đề nghị của…]*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm tra định kỳ hoạt động đấu thầu năm…[2] của…[3], gồm:...[4] cuộc kiểm tra *(Chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Căn cứ Kế hoạch kiểm tra định kỳ hoạt động đấu thầu nêu tại Điều 1, giao….[5] thực hiện kiểm tra hoạt động đấu thầu theo đúng tiến độ và quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.....[6] chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>*[Ghi nơi nhận]* | **NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU**<br>**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**<br>**KIỂM TRA**<br>*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]* |

[1]Trường hợp Kế hoạch kiểm tra định kỳ hoạt động đấu thầu được lồng ghép vào Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thì không cần ban hành riêng Quyết định này.

[2]Ghi năm thực hiện việc kiểm tra định kỳ.

[3]Ghi tên của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.

[4]Ghi số lượng cuộc kiểm tra.

[5]Ghi tên cơ quan, đơn vị được giao thực hiện kiểm tra hoạt động đấu thầu.

[6]Ghi tên cơ quan, đơn vị liên quan.

## KẾ HOẠCH KIỂM TRA ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU

*(Quyết định số… ngày… /… /… của… [Ghi tên Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra])*

| TT | Phạm vi và nội dung kiểm tra[7] | Đơn vị thực hiện kiểm tra | Đơn vị được kiểm tra | Đơn vị phối hợp kiểm tra (nếu có) | Thời gian thực hiện kiểm tra trực tiếp[8] | Thời gian triển khai[9] | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | |
| … | | | | | | | |

[7]Nêu rõ phạm vi và nội dung kiểm tra (ví dụ: Tình hình ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác đấu thầu, kiến nghị và xử lý kiến nghị, gói thầu thuộc dự án/dự toán mua sắm… ). Trường hợp đã xác định cụ thể dự án, dự toán mua sắm được kiểm tra thì ghi tên dự án, dự toán mua sắm đó.

[8]Ghi theo thời gian quy định tại khoản 1 Điều 120 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

[9]Ghi theo tháng, quý trong năm.

**Mẫu số 4.1B. Mẫu Kế hoạch kiểm tra chi tiết**

*(Kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

| | |
|---|---|
| **[TÊN ĐOÀN KIỂM TRA[1]]** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*……., ngày…… tháng…… năm……*

# KẾ HOẠCH KIỂM TRA CHI TIẾT[2]

## I. CĂN CỨ THỰC HIỆN KIỂM TRA

*Nêu các căn cứ để thực hiện kiểm tra.*

## II. NỘI DUNG

### 1. Đơn vị được kiểm tra

Danh sách các đơn vị dự kiến được kiểm tra nêu tại Biểu số 1 đính kèm Kế hoạch này.

### 2. Mục đích của cuộc kiểm tra

*Ghi rõ mục đích của cuộc kiểm tra.*

### 3. Nội dung và phạm vi kiểm tra

*Việc kiểm tra bao gồm một hoặc một số nội dung nêu tại mục 3.1 hoặc 3.2 dưới đây, có thể sửa đổi các nội dung này hoặc bổ sung các nội dung khác (nếu cần thiết) cho phù hợp với mục đích của cuộc kiểm tra.*

3.1. Về tình hình chung thực hiện hoạt động đấu thầu

a) Tình hình ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác đấu thầu kể từ năm… đến năm…

b) Tình hình thực hiện công tác kiểm tra về đấu thầu từ năm… đến năm…

c) Tình hình triển khai thực hiện lựa chọn nhà thầu không qua mạng và qua mạng từ năm… đến năm…

---

[1]Trường hợp cuộc kiểm tra có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều đơn vị được kiểm tra theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 121 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thay tên Đoàn kiểm tra bằng tên Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.

[2]Trường hợp chỉ thực hiện kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu thì không yêu cầu các nội dung liên quan đến lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp chỉ thực hiện kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thì không yêu cầu các nội dung liên quan đến lựa chọn nhà thầu.

d) Về kiến nghị và xử lý kiến nghị trong đấu thầu từ năm… đến năm…

đ) Về đội ngũ cán bộ, chuyên gia làm công tác đấu thầu

e) Việc giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu của cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu từ năm… đến năm…

g) Các nội dung khác (nếu có).

3.2. Về tình hình thực hiện hoạt động lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án/dự toán mua sắm được kiểm tra

Căn cứ tình hình thực tế, Trưởng Đoàn kiểm tra sẽ quyết định số lượng gói thầu thuộc dự án/dự toán mua sắm được kiểm tra đảm bảo phù hợp với mục đích của cuộc kiểm tra. Các nội dung kiểm tra bao gồm:

- Việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

- Việc lập, thẩm định, phê duyệt/điều chỉnh hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

- Về quy trình, thủ tục trong quá trình lựa chọn nhà thầu;

- Về đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định, phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà thầu;

- Về hợp đồng;

- Việc đăng tải thông tin trong đấu thầu lựa chọn nhà thầu;

- Các nội dung khác (nếu cần thiết).

3.3. Về tình hình thực hiện hoạt động lựa chọn nhà đầu tư

Căn cứ tình hình thực tế, Trưởng Đoàn kiểm tra sẽ quyết định số lượng dự án được kiểm tra đảm bảo phù hợp với mục đích của cuộc kiểm tra. Các nội dung kiểm tra bao gồm:

- Việc công bố dự án đầu tư kinh doanh (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư); lập, phê duyệt, công bố thông tin dự án đầu tư kinh doanh (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư);

- Việc lập, phê duyệt/điều chỉnh hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh;

- Việc lập, thẩm định, phê duyệt/điều chỉnh hồ sơ mời thầu dự án đầu tư kinh doanh; lập, thẩm định, phê duyệt/điều chỉnh hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu dự án PPP;

- Về quy trình, thủ tục trong quá trình khảo sát quan tâm dự án PPP; mời quan tâm dự án đầu tư kinh doanh; lựa chọn nhà đầu tư;

- Về hợp đồng;

- Việc đăng tải thông tin trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư;

- Các nội dung khác (nếu cần thiết).

**4. Các tài liệu, báo cáo cần cung cấp để tiến hành kiểm tra**

*Tài liệu, báo cáo cần cung cấp để tiến hành kiểm tra có thể bao gồm một hoặc một số tài liệu dưới đây (có thể yêu cầu các tài liệu khác nếu cần thiết) đảm bảo phù hợp với nội dung và phạm vi kiểm tra.*

a) Đối với nội dung kiểm tra về tình hình chung thực hiện hoạt động đấu thầu:

- Báo cáo bằng văn bản theo đề cương tại Mẫu số 4.2 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án/dự toán mua sắm:

- Quyết định phê duyệt/điều chỉnh dự án;

- Quyết định phê duyệt/điều chỉnh kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu kèm theo Tờ trình, Báo cáo thẩm định;

- Quyết định phê duyệt/điều chỉnh hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu kèm theo Tờ trình, Báo cáo thẩm định;

- Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

- Hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của các nhà thầu;

- Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu kèm theo các Tờ trình, Báo cáo thẩm định;

- Báo cáo đánh giá của Tổ chuyên gia;

- Hợp đồng đã ký kết;

- Các tài liệu về việc đăng tải thông tin trong đấu thầu;

- Các tài liệu khác có liên quan.

c) Đối với hoạt động lựa chọn nhà đầu tư:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư kinh doanh (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư) hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư);

- Quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án PPP, quyết định điều chỉnh (nếu có);

- Quyết định phê duyệt bảng theo dõi tiến độ (trường hợp được phê duyệt độc lập với quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thông tin dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư);

- Quyết định phê duyệt/điều chỉnh hồ sơ mời quan tâm dự án đầu tư kinh doanh kèm theo Tờ trình;

- Quyết định phê duyệt/điều chỉnh hồ sơ mời thầu dự án đầu tư kinh doanh kèm theo Tờ trình, Báo cáo thẩm định;

- Quyết định phê duyệt/điều chỉnh hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu dự án PPP kèm theo Tờ trình, Báo cáo thẩm định;

- Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu;

- Quyết định phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật kèm theo Tờ trình; Quyết định phê duyệt kết quả sơ tuyển dự án PPP kèm theo Tờ trình, Báo cáo thẩm định; Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư kèm theo các Tờ trình, Báo cáo thẩm định;

- Báo cáo đánh giá của Tổ chuyên gia;

- Hợp đồng đã ký kết;

- Các tài liệu về việc đăng tải thông tin trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư;

- Các tài liệu khác có liên quan.

**5. Thành phần Đoàn kiểm tra**

Theo Quyết định số..... /QĐ-.... ngày..../.../... của..... *[Ghi tên cơ quan có thẩm quyền kiểm tra]* về việc kiểm tra.....[3] *tại*.....[4]

**6. Thời gian, địa điểm và chương trình kiểm tra**

*Ghi cụ thể thời gian, địa điểm và chương trình kiểm tra.*

**7. Trách nhiệm của đơn vị được kiểm tra**

- Phối hợp tích cực với Đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra.

- Báo cáo trung thực, cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời, đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cung cấp.

---

[3]Ghi nội dung hoạt động đấu thầu được kiểm tra

[4]Ghi tên đơn vị được kiểm tra.

- Trao đổi, giải trình các nội dung liên quan trong Dự thảo Báo cáo kiểm tra của Đoàn kiểm tra.

- Thực hiện Kết luận kiểm tra.

- Các trách nhiệm khác (nếu có).

**III. CÁCH THỨC KIỂM TRA**

Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra theo cách thức như sau:

- Kiểm tra thông qua báo cáo của các đơn vị được kiểm tra và hồ sơ tài liệu được cung cấp;

- Kiểm tra trực tiếp hồ sơ, tài liệu liên quan đến gói thầu, dự án/dự toán mua sắm thuộc các đơn vị được kiểm tra;

- Kiểm tra thực tế tại hiện trường tình hình triển khai thực hiện một số gói thầu (nếu cần thiết).

Các đơn vị được kiểm tra và các thành viên Đoàn kiểm tra có trách nhiệm thực hiện theo đúng Kế hoạch kiểm tra chi tiết./.

***Nơi nhận:***
*[Ghi nơi nhận]*

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**[5]
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

[5]Trường hợp cuộc kiểm tra có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều đơn vị được kiểm tra theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 121 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thay tên Đoàn kiểm tra bằng tên Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.

## BIỂU SỐ 1

## DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ DỰ KIẾN ĐƯỢC KIỂM TRA

*(Đính kèm Kế hoạch kiểm tra chi tiết ngày…/… /… của…… [Ghi tên Đoàn kiểm tra])*

| TT | Tên đơn vị được kiểm tra[6] | Thông tin liên quan |
|---|---|---|
| 1 | … | - Địa chỉ:…<br>- Đầu mối liên hệ:<br>+ Họ tên:…<br>+ Chức danh:…<br>+ Số điện thoại:… |
| 2 | … | - Địa chỉ:…<br>- Đầu mối liên hệ:<br>+ Họ tên:…<br>+ Chức danh:…<br>+ Số điện thoại:… |
| n | … | … |

[6]Căn cứ tình hình thực tế, Trưởng Đoàn kiểm tra sẽ quyết định số lượng đơn vị được kiểm tra đảm bảo phù hợp với mục đích của cuộc kiểm tra.

**Mẫu số 4.2. Mẫu Đề cương báo cáo tình hình thực hiện hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư**[1]

*(Kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

## PHẦN A

## ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ THẦU TẠI ...[2]

### I. NỘI DUNG BÁO CÁO

**1. Về việc hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu**

- Tổng hợp số liệu về việc ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác đấu thầu theo Biểu số 1.

- Báo cáo tình hình thực tế triển khai, thực hiện các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo; vướng mắc, khó khăn; giải pháp khắc phục.

**2. Về công tác kiểm tra lựa chọn nhà thầu**

- Tổng hợp số liệu về việc triển khai công tác kiểm tra về đấu thầu theo Biểu số 2.

- Báo cáo tình hình thực tế triển khai, thực hiện công tác kiểm tra về đấu thầu; vướng mắc, khó khăn; giải pháp khắc phục.

**3. Về công tác lựa chọn nhà thầu**

- Tổng hợp số liệu về công tác lựa chọn nhà thầu theo các Biểu số 3, 4, 5;

- Báo cáo tình hình thực tế triển khai, thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu; so sánh kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng đạt được với lộ trình, chỉ tiêu theo yêu cầu; vướng mắc, khó khăn; giải pháp khắc phục.

**4. Về kiến nghị và xử lý kiến nghị trong lựa chọn nhà thầu**

- Tổng hợp số liệu về kết quả xử lý kiến nghị trong đấu thầu của các chủ đầu tư, người có thẩm quyền theo Biểu số 6.

- Báo cáo tình hình thực tế triển khai, thực hiện công tác xử lý kiến nghị trong đấu thầu; vướng mắc, khó khăn; giải pháp khắc phục.

---

[1]Trường hợp chỉ thực hiện kiểm tra về lựa chọn nhà thầu thì không yêu cầu các nội dung liên quan đến lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp chỉ thực hiện kiểm tra về lựa chọn nhà đầu tư thì không yêu cầu các nội dung liên quan đến lựa chọn nhà thầu.

[2]Ghi tên đơn vị được kiểm tra

**5. Về đội ngũ cán bộ, chuyên gia làm công tác đấu thầu**

- Số lượng, trình độ chuyên môn của những người làm công tác đấu thầu; số lượng chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu hoặc chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

- Những vướng mắc, khó khăn, nguyên nhân và hướng khắc phục những vấn đề đã nêu.

**6. Về giám sát thường xuyên hoạt động lựa chọn nhà thầu của cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu**

Báo cáo về kết quả thực hiện giám sát và các biện pháp xử lý đã thực hiện.

**7. Nội dung khác (nếu có)**

**II. KIẾN NGHỊ (nếu có)**

## PHẦN B

## ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ …[3] TẠI …[4]

### I. NỘI DUNG BÁO CÁO

**1. Về việc hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác lựa chọn nhà đầu tư**

- Tổng hợp số liệu về việc ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác đấu thầu theo Biểu số 1.

- Báo cáo tình hình thực tế triển khai, thực hiện các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo; vướng mắc, khó khăn; giải pháp khắc phục.

**2. Về công tác kiểm tra lựa chọn nhà đầu tư**

- Tổng hợp số liệu về việc triển khai công tác kiểm tra về đấu thầu theo Biểu số 2.

- Báo cáo tình hình thực tế triển khai, thực hiện công tác kiểm tra về đấu thầu; vướng mắc, khó khăn; giải pháp khắc phục.

**3. Về công tác lựa chọn nhà đầu tư**

- Tổng hợp số liệu về công tác lựa chọn nhà đầu tư;

*Tổng hợp tình hình thực hiện hoạt động lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư có sử dụng đất (thống kê tương tự Biểu số 06 - Mẫu số 5 đính kèm Thông tư này).*

*Tổng hợp tình hình thực hiện hoạt động lựa chọn nhà đầu tư dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (thống kê tương tự Biểu số 07 - Mẫu số 5 đính kèm Thông tư này).*

*Tổng hợp tình hình thực hiện hoạt động lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) (thống kê theo Biểu số 07 của Mẫu này).*

- Báo cáo tình hình thực tế triển khai, thực hiện công tác lựa chọn đầu tư; so sánh kết quả lựa chọn nhà đầu tư qua mạng đạt được với lộ trình; vướng mắc, khó khăn; giải pháp khắc phục.

---

[3]Ghi nội dung hoạt động lựa chọn nhà đầu tư gồm một hoặc các dự án: Dự án đầu tư có sử dụng đất; dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; dự án PPP.

[4]Ghi tên đơn vị được kiểm tra.

**4. Về kiến nghị và xử lý kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư**

- Tổng hợp số liệu về kết quả xử lý kiến nghị trong đấu thầu của bên mời thầu, người có thẩm quyền theo Biểu số 6.

- Báo cáo tình hình thực tế triển khai, thực hiện công tác xử lý kiến nghị trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; vướng mắc, khó khăn; giải pháp khắc phục.

**5. Về đội ngũ cán bộ, chuyên gia làm công tác đấu thầu**

- Số lượng, trình độ chuyên môn của những người làm công tác đấu thầu; số lượng chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu hoặc chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

- Những vướng mắc, khó khăn, nguyên nhân và hướng khắc phục những vấn đề đã nêu.

**6. Về giám sát hoạt động lựa chọn nhà đầu tư**

Báo cáo về kết quả thực hiện giám sát và các biện pháp xử lý đã thực hiện.

**7. Nội dung khác (nếu có)**

**II. KIẾN NGHỊ (nếu có)**

**Biểu số 1**

**Tổng hợp số liệu về việc ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác đấu thầu từ năm… đến năm…**

| STT | Số hiệu văn bản/Ngày ký | Người ký/Chức danh | Nội dung chính |
|---|---|---|---|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| 3 | | | |
| ... | | | |

*Ghi chú: Đề nghị gửi kèm các văn bản được liệt kê.*

**Biểu số 2**

**Tổng hợp số liệu về việc triển khai công tác kiểm tra đấu thầu từ năm… đến năm…**

| STT | Quyết định thành lập đoàn kiểm tra | Nội dung kiểm tra | Dự án, gói thầu được kiểm tra (nếu có) | Đơn vị thực hiện kiểm tra | Đơn vị được kiểm tra | Kết luận kiểm tra |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| .... | | | | | | |

*Ghi chú: Đề nghị gửi kèm các tài liệu liên quan đến việc tổ chức kiểm tra hoạt động đấu thầu được liệt kê (bao gồm Quyết định thành lập đoàn kiểm tra, kế hoạch kiểm tra chi tiết, báo cáo kiểm tra, kết luận kiểm tra và các tài liệu có liên quan khác)*

**Biểu số 3**

**Tổng hợp số liệu về công tác lựa chọn nhà thầu không qua mạng và qua mạng từ năm… đến năm…**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| **Lĩnh vực đấu thầu/Hình thức lựa chọn** | | **Tổng số gói thầu** | **Tổng giá gói thầu** | **Tổng giá trúng thầu** | **Tiết kiệm** | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | **Giá trị** | **Tỷ lệ (%)** |
| **I. Theo lĩnh vực đấu thầu** | | | | | | |
| 1. Phi tư vấn | KQM | | | | | |
| | QM | | | | | |
| 2. Tư vấn | KQM | | | | | |
| | QM | | | | | |
| 3. Mua sắm hàng hóa | KQM | | | | | |
| | QM | | | | | |
| 4. Xây lắp | KQM | | | | | |
| | QM | | | | | |
| 5. Hỗn hợp | KQM | | | | | |
| | QM | | | | | |
| **Tổng cộng I** | **KQM** | | | | | |
| | **QM** | | | | | |

| Lĩnh vực đấu thầu/Hình thức lựa chọn | | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Tiết kiệm | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Giá trị | Tỷ lệ (%) |
| **II. Theo hình thức lựa chọn nhà thầu** | | | | | | |
| 1. Đấu thầu rộng rãi | KQM | | | | | |
| | QM | | | | | |
| 2. Đấu thầu hạn chế | KQM | | | | | |
| | QM | | | | | |
| 3. Chỉ định thầu | KQM | | | | | |
| 4. Chào hàng cạnh tranh | KQM | | | | | |
| | QM | | | | | |
| 5. Mua sắm trực tiếp | KQM | | | | | |
| 6. Tự thực hiện | KQM | | | | | |
| 7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt | KQM | | | | | |
| 8. Tham gia thực hiện của cộng đồng | KQM | | | | | |
| 9. Đàm phán giá | KQM | | | | | |
| 10. Mua sắm trực tuyến | QM | | | | | |
| 11. Chào giá trực tuyến | QM | | | | | |
| **Tổng cộng II** | **KQM** | | | | | |
| | **QM** | | | | | |

*(Ghi chú: Tổng cộng I phải bằng với tổng cộng II đối với từng phần KQM và QM)*

**Biểu số 4**

**Tổng hợp số liệu về các gói thầu thực hiện theo hình thức đấu thầu qua mạng từ năm… đến năm…**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| STT | Tên gói thầu | Số hiệu E-TBMT | Giá gói thầu | Giá trúng thầu | Tiết kiệm | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Giá trị | Tỷ lệ (%) |
| **I** | **Năm ...(i)** | | | | | |
| **1** | **Dự án 1** | | | | | |
| 1.1 | Gói thầu 1 | | | | | |
| 1.2 | Gói thầu n | | | | | |
| **2** | **Dự án 2** | | | | | |
| 2.1 | Gói thầu 1 | | | | | |
| 2.2 | Gói thầu n | | | | | |
| ... | | | | | | |
| **II** | **Năm ...(i+1)** | | | | | |
| ... | | | | | | |
| **Tổng cộng** | | | | | | |

**Biểu số 5**

**Thông tin, số liệu cụ thể về công tác lựa chọn nhà thầu trên địa bàn/ngành… từ năm… đến năm…**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Nội dung | Giá gói thầu | Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Số lượng nhà thầu mua/ nhận HSMT, HSYC | Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HSĐX | Số lượng nhà thầu vào bước đánh giá tài chính | Nhà thầu trúng thầu | Giá trúng thầu | Giá ký hợp đồng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I. Tên chủ đầu tư 1:** | | | | | | | | | |
| **1. Dự án 1** | | | | | | | | | |
| 1.1. Tên gói thầu 1 | | | | | | | | | |
| 1.2. Tên gói thầu 2 | | | | | | | | | |
| **II. Tên chủ đầu tư 2:** | | | | | | | | | |
| **1. Dự án 2** | | | | | | | | | |
| 1.1. Tên gói thầu 1 | | | | | | | | | |
| 1.2. Tên gói thầu 2 | | | | | | | | | |

**Biểu số 6**

**Số liệu về tình hình kiến nghị và xử lý kiến nghị trong đấu thầu từ năm… đến năm…**

| STT | Tên đơn vị kiến nghị | Số văn bản kiến nghị | Ngày nhận văn bản kiến nghị | Tóm tắt nội dung kiến nghị | Số văn bản trả lời kiến nghị | Ngày có văn bản trả lời kiến nghị | Tóm tắt nội dung xử lý kiến nghị |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | |
| … | | | | | | | |

*Ghi chú: Đề nghị gửi kèm các tài liệu liên quan đến việc kiến nghị và xử lý kiến nghị được liệt kê.*

**Biểu số 7**

## Số liệu tình hình thực hiện động lựa chọn nhà đầu tư dự án PPP

| Stt | Tên dự án | Tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Vốn nhà nước tham gia (tỷ đồng) | Lĩnh vực đầu tư (1) | Khảo sát sự quan tâm của NĐT (2) | | Số lượng NĐT quan tâm đăng ký thực hiện dự án | Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (3) | | | | | | | | Số lượng NĐT mua/ nhận HSMT | Số lượng NĐT nộp HSDT | Kết quả lựa chọn nhà đầu tư (4) | Thời điểm ký kết hợp đồng dự án (5) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Có khảo sát | Không khảo sát | | Đấu thầu rộng rãi | | Đàm phán cạnh tranh | | Chỉ định nhà đầu tư | | LCNĐT trong trường hợp đặc biệt | | | | | |
| | | | | | | | | Trong nước | Quốc tế | Trong nước | Quốc tế | Trong nước | Quốc tế | Trong nước | Quốc tế | | | | |
| **I** | **Dự án do cơ quan có thẩm quyền lập** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án A | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án B | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| … | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ***Tổng*** | ***(tổng số dự án)*** | ***(tổng tiền)*** | ***(tổng tiền)*** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **II** | **Dự án do nhà đầu tư đề xuất** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án A | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án B | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| … | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Tổng** | **(tổng số dự án)** | **(tổng tiền)** | **(tổng tiền)** | | | | | | | | | | | | | | | | |

*Ghi chú:*

*(1) Ghi lĩnh vực đầu tư theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP*

*(2) Ghi "X" đối với trường hợp có hoặc không tổ chức khảo sát sự quan tâm*

*(3) Ghi "X" vào hình thức lựa chọn nhà đầu tư tương ứng*

*(4) Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn*

*(5) Định dạng "ngày/tháng/năm".*

**Mẫu số 4.3. Mẫu Báo cáo kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư[1]**

(*Kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

| | |
|---|---|
| **[TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA]** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **Đoàn kiểm tra ...** | *....., ngày..... tháng..... năm.....* |

# BÁO CÁO KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ

## MỤC 1. TỔ CHỨC THỰC HIỆN KIỂM TRA

### I. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN KIỂM TRA

*[Phần này nêu khái quát về quá trình thực hiện kiểm tra như sau:*

*- Các căn cứ tổ chức thực hiện kiểm tra;*

*- Tên đơn vị được kiểm tra;*

*- Thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện kiểm tra]*

### II. NỘI DUNG KIỂM TRA

*[- Nêu nội dung kiểm tra theo Kế hoạch kiểm tra chi tiết;*

*- Nêu tên các gói thầu thuộc dự án/dự toán mua sắm thuộc các chủ đầu tư tương ứng được kiểm tra;*

*- Nêu tên các dự án được kiểm tra về lựa chọn nhà đầu tư[2].]*

---

[1]Trường hợp chỉ thực hiện kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu thì bỏ các nội dung liên quan đến lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp chỉ thực hiện kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thì bỏ các nội dung liên quan đến lựa chọn nhà thầu.

[2]Dự án được kiểm tra bao gồm một hoặc các loại sau: Dự án đầu tư có sử dụng đất; dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; dự án PPP

## MỤC 2. KẾT QUẢ KIỂM TRA[3]
## PHẦN A - VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

### I. KHÁI QUÁT CHUNG TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

*[Căn cứ vào nội dung kiểm tra để nêu khái quát về tình hình thực hiện]*

### II. KẾT QUẢ KIỂM TRA

*Trên cơ sở nội dung kiểm tra theo Kế hoạch kiểm tra chi tiết và phân công của Trưởng đoàn kiểm tra, Báo cáo kiểm tra được xây dựng theo hướng dẫn dưới đây:*

**1. Tổng quan về công tác đấu thầu**

1.1. Về việc ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác đấu thầu.

1.2. Về công tác kiểm tra hoạt động đấu thầu.

1.3. Về công tác triển khai thực hiện lựa chọn nhà thầu.

1.4. Về kiến nghị và xử lý kiến nghị trong đấu thầu.

1.5. Về đội ngũ cán bộ, chuyên gia làm công tác đấu thầu.

1.6. Về giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu của cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu.

1.7. Nội dung khác (nếu có).

**2. Về việc tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án/dự toán mua sắm được kiểm tra**

2.1. Dự án số 1 *[Nêu tên dự án]*

2.1.1. Thông tin cơ bản về dự án, gói thầu

*Phần này nêu các thông tin như sau:*

- Tên gói thầu;
- Số TBMT:
- Tên dự án;
- Người có thẩm quyền;
- Chủ đầu tư;
- Bên mời thầu;
- Giá gói thầu theo KHLCNT;
- Dự toán gói thầu *(nếu có);*

---

[3]Căn cứ theo yêu cầu tại Kế hoạch kiểm tra chi tiết, các nội dung trong kết quả kiểm tra được chỉnh sửa cho phù hợp.

- Nguồn vốn;

- Hình thức/Phương thức lựa chọn nhà thầu;

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu và thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu:

+ Theo KHLCNT;

+ Thời gian thực tế thực hiện.

- Loại hợp đồng;

- Thời gian thực hiện gói thầu/hợp đồng.

2.1.2. Thông tin cơ bản về quá trình lựa chọn nhà thầu

- HSMT/E-HSMT/HSYC của gói thầu được phát hành ngày... tháng... năm... nên việc tổ chức lựa chọn nhà thầu của gói thầu được thực hiện theo quy định tại *[ghi quy định cụ thể văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu có hiệu lực tại thời điểm tương ứng];*

- Đơn vị tư vấn đấu thầu *(nếu có);*

- Số lượng nhà thầu tham dự thầu;

- Số lượng nhà thầu bị loại tại bước đánh giá tính hợp lệ;

- Số lượng nhà thầu bị loại tại bước năng lực, kinh nghiệm;

- Số lượng nhà thầu bị loại tại bước đánh giá về kỹ thuật;

- Nhà thầu trúng thầu;

- Giá trúng thầu;

- Tỷ lệ tiết kiệm ... tương đương....%.

2.1.3. Nhận xét, đánh giá

a) Về kế hoạch lựa chọn nhà thầu

*[Nhận xét về trình tự thủ tục trình, thẩm định và phê duyệt KHLCNT đồng thời phải có dẫn chiếu cụ thể (nhận xét lý do cho việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu khác với đấu thầu rộng rãi; về nội dung KHLCNT; trình tự, thủ tục trình duyệt KHLCNT; thời gian thẩm định, phê duyệt KHLCNT; đăng tải KHLCNT và các nội dung khác)]*

b) Về quá trình thực hiện

- Gói thầu số 1 *[ghi tên gói thầu]*

*[Nêu và phân tích cụ thể kết quả kiểm tra theo từng nội dung bao gồm: đăng tải thông tin trong đấu thầu; thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu; quy trình, thủ tục trong quá trình lựa chọn; HSMT/E-HSMT/HSYC; đánh giá HSDT/E-HSDT/HSĐX; hợp đồng;* các nội dung khác (nếu có)]

- Gói thầu số 2 *[nội dung báo cáo tương tự như gói thầu số 1]*

2.2. Dự án số 2 *[Nêu tên dự án]*

*(Các dự án tiếp theo, nội dung báo cáo tương tự như dự án số 1).*

## PHẦN B - VỀ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

### I. ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện hoạt động lựa chọn nhà đầu tư.

2. Đăng tải thông tin trong lựa chọn nhà đầu tư.

3. Thủ tục pháp lý trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư.

### II. KẾT QUẢ KIỂM TRA CÁC DỰ ÁN CỤ THỂ

1. Dự án số 1 *[Nêu tên dự án]*

1.1. Thông tin về dự án

- Tên dự án:
- Mục tiêu, quy mô, địa điểm thực hiện dự án:
- Tổng vốn đầu tư, tổng mức đầu tư:
- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của dự án, bên mời thầu:
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà đầu tư:
- Tên nhà đầu tư trúng thầu, được lựa chọn:

1.2. Thông tin về quá trình lựa chọn nhà đầu tư

*[Tóm tắt về quá trình lựa chọn nhà đầu tư]*

1.3. Nhận xét, đánh giá

*[a) Công bố dự án, danh mục dự án...;*

*b) Lập, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, nội dung công bố thông tin dự án, thông báo khảo sát sự quan tâm...; đánh giá, phê duyệt kết quả mời quan tâm, đăng ký thực hiện dự án...;*

*c) Lập, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, mời thầu, mời đàm phán, yêu cầu...; đánh giá, phê duyệt kết quả sơ tuyển, đàm phán, lựa chọn nhà đầu tư...;*

*d) Nội dung hợp đồng dự án đã ký kết; việc tuân thủ các căn cứ pháp lý trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng;*

*đ) Các nội dung khác liên quan]*

2. Dự án số 2 *[Nêu tên dự án]*

*[Các dự án tiếp theo, nội dung báo cáo tương tự như Dự án số 1]*

Trên đây là kết quả kiểm tra về..... *[nêu tên hoạt động đấu thầu được kiểm tra ghi theo Quyết định kiểm tra]* tại..... *[nêu tên đơn vị được kiểm tra].*

| THÀNH VIÊN ĐOÀN KIỂM TRA | TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA |
|---|---|
| *[Ký và ghi rõ họ tên]* | *[Ký và ghi rõ họ tên]* |

**Mẫu số 4.4. Mẫu Kết luận kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư**[1]

*(Kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

| | |
|---|---|
| **[TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA]** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:…/… | ……, *ngày*…… *tháng*…… *năm*…… |

**KẾT LUẬN KIỂM TRA**

Về việc kiểm tra……[2] tại……[3]

Căn cứ Quyết định số… *[nêu số, ngày của Quyết định, cơ quan ban hành]* về việc kiểm tra….[2] tại…[3] và Báo cáo kiểm tra ngày……. *[điền ngày của Báo cáo]* của Đoàn kiểm tra, *[nêu tên cơ quan có thẩm quyền kiểm tra]* kết luận như sau:

**I. KHÁI QUÁT CHUNG**

*[Nêu khái quát chung về tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu; tình hình thực hiện các dự án và hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư]*

**II. KẾT QUẢ KIỂM TRA**

**1. Về lựa chọn nhà thầu**

*[Nhận xét về kết quả kiểm tra trên cơ sở các nội dung nêu tại Báo cáo kiểm tra]*

**2. Về lựa chọn nhà đầu tư**

*[Nhận xét về kết quả kiểm tra trên cơ sở các nội dung nêu tại Báo cáo kiểm tra]*

**III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

*[Nêu nội dung kết luận và các kiến nghị cụ thể đối với đơn vị được kiểm tra, kiến nghị đối với các cấp có thẩm quyền (nếu cần thiết)].*

Báo cáo phản hồi về tình hình thực hiện Kết luận kiểm tra này đề nghị gửi về... *[nêu tên cơ quan có thẩm quyền kiểm tra]* trong vòng... *[nêu thời hạn]* ngày kể từ ngày nhận được Kết luận kiểm tra./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận***<br>*[Ghi nơi nhận]* | **NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU**<br>**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA**<br>*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

[1]Trường hợp chỉ thực hiện kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu thì bỏ các nội dung liên quan đến lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp chỉ thực hiện kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thì bỏ các nội dung liên quan đến lựa chọn nhà thầu.

[2]Ghi nội dung hoạt động đấu thầu được kiểm tra.

[3]Ghi tên đơn vị được kiểm tra.

**Mẫu số 4.5. Mẫu Báo cáo phản hồi về tình hình thực hiện Kết luận kiểm tra**

*(Kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

| | |
|---|---|
| **[TÊN ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA]** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:… /… | *……, ngày…… tháng……. năm……* |

**BÁO CÁO PHẢN HỒI**
**VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT LUẬN KIỂM TRA**

Kính gửi…… *[Tên cơ quan có thẩm quyền kiểm tra]*

**I. Tình hình thực hiện Kết luận kiểm tra**

*[Nêu khái quát chung về tình hình thực hiện Kết luận kiểm tra của đơn vị được kiểm tra].*

**II. Kết quả thực hiện Kết luận kiểm tra**

1. Những tồn tại đã được khắc phục

2. Những tồn tại cần có thời gian để khắc phục

3. Các trường hợp vi phạm pháp luật bị xử lý theo quy định (nếu có)

**III. Kiến nghị và đề xuất các giải pháp khắc phục trong thời gian tới**

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>*[Ghi nơi nhận]* | **NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA**<br>*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

**MẪU SỐ 5**

# MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU[1]

*(Kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

## PHẦN A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ THẦU

### I. Tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu

***1. Tổng hợp chung về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu***

a) Tổng hợp chung về số liệu đối với việc lựa chọn nhà thầu của các gói thầu thuộc đối tượng áp dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Luật Đấu thầu bao gồm: tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm chung theo lĩnh vực đấu thầu, theo hình thức lựa chọn nhà thầu, theo phân loại dự án.

b) Tổng hợp chung số liệu đối với việc lựa chọn nhà thầu của các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên (Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA,...) bao gồm: tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu, tỷ lệ tiết kiệm theo lĩnh vực đấu thầu và theo hình thức lựa chọn nhà thầu.

c) Kết quả thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng.

d) Tỷ lệ mua sắm công xanh (nếu có).

***2. Công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu***

Tổng hợp số liệu về số lượng văn bản chỉ đạo chỉ đạo, điều hành về đấu thầu lựa chọn nhà thầu; số lượng hội nghị/hội thảo phổ biến công tác đấu thầu.

---

[1]a) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước thực hiện báo cáo theo Mẫu này kèm biểu số liệu 01 đến số 07. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của các thông tin và số liệu báo cáo.

b) Căn cứ vào tình hình thực tế hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có thể cập nhật, điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo, biểu mẫu báo cáo và cách thức báo cáo.

***3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về đấu thầu lựa chọn nhà thầu***

a) Tổng hợp số liệu về công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu lựa chọn nhà thầu bao gồm: số lượng các cuộc thanh tra về đấu thầu; số lượng các cuộc thanh tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu.

b) Tổng hợp số liệu về công tác giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu bao gồm: số lượng các văn bản chấn chỉnh hoạt động đấu thầu; số lượng tổ chức, cá nhân được yêu cầu xử lý vi phạm; số lượng tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm.

***4. Giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm***

a) Tổng hợp số liệu về giải quyết kiến nghị về đấu thầu, bao gồm: số lượng văn bản kiến nghị nhận được; số lượng kiến nghị được giải quyết; số lượng kiến nghị đúng của nhà thầu.

b) Tổng hợp số liệu về xử lý vi phạm trong đấu thầu, bao gồm: số lượng quyết định xử lý vi phạm hành chính, tổng số tiền xử phạt theo các quyết định, tổng số tiền phạt vi phạm đã nộp; số lượng quyết định cấm tổ chức/cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu; số lượng nhà thầu vi phạm bị chấm dứt hợp đồng do lỗi nhà thầu; số lượng đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với các hành vi vi phạm trong đấu thầu.

***5. Thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu***

Tổng hợp số liệu về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại các gói thầu thuộc dự án/dự toán mua sắm, bao gồm: Số lượng, quốc tịch nhà thầu, giá trị trúng thầu.

***6. Các nội dung khác (nếu có)***

**II. Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong năm**

Đánh giá **kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân** việc thực hiện hoạt động đấu thầu trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị theo từng nội dung sau bao gồm:

1. Đánh giá chung.

2. Về tổ chức, triển khai thực hiện chính sách pháp luật đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

3. Về công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

4. Về lựa chọn nhà thầu qua mạng.

5. Về công khai thông tin trong đấu thầu.

6. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và giải quyết kiến nghị.

7. Nội dung khác (nếu có).

## PHẦN B. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC TRƯỜNG HỢP PHẢI TỔ CHỨC ĐẤU THẦU THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT QUẢN LÝ NGÀNH, LĨNH VỰC

### I. Tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

***1. Tổng hợp chung về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu***

Tổng hợp chung về số liệu đối với việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh thuộc đối tượng áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Đấu thầu bao gồm: số lượng dự án tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, phân loại dự án; số lượng dự án áp dụng thủ tục mời quan tâm và chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư; hình thức, phương thức lựa chọn nhà đầu tư; hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực đạt được thông qua đấu thầu.

***2. Công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu***

Tổng hợp số liệu về số lượng văn bản chỉ đạo chỉ đạo, điều hành về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; số lượng hội nghị/hội thảo phổ biến công tác đấu thầu.

***3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư***

a) Tổng hợp số liệu về công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư bao gồm: số lượng các cuộc thanh tra về đấu thầu; số lượng các cuộc thanh tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu.

b) Tổng hợp số liệu về công tác giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

***4. Giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm***

a) Tổng hợp số liệu về giải quyết kiến nghị về đấu thầu, bao gồm: số lượng văn bản kiến nghị nhận được; số lượng kiến nghị được giải quyết; số lượng kiến nghị đúng của nhà đầu tư.

b) Tổng hợp số liệu về xử lý vi phạm trong đấu thầu, bao gồm: số lượng quyết định xử lý vi phạm hành chính, tổng số tiền xử phạt theo các quyết định, tổng số tiền phạt vi phạm đã nộp; số lượng quyết định cấm tổ chức/cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu; số lượng nhà đầu tư vi phạm bị chấm dứt hợp đồng do lỗi nhà đầu tư; số lượng đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với các hành vi vi phạm trong đấu thầu.

***5. Các nội dung khác (nếu có).***

**II. Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong năm**

Đánh giá **kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân** việc thực hiện hoạt động đấu thầu trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị theo từng nội dung sau bao gồm:

1. Đánh giá chung.

2. Về tổ chức, triển khai thực hiện chính sách pháp luật đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

3. Về công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

4. Về lựa chọn nhà đầu tư qua mạng.

5. Về công khai thông tin trong đấu thầu.

6. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và giải quyết kiến nghị.

7. Nội dung khác (nếu có).

## PHẦN C. GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở tình hình thực tế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư của năm báo cáo, đề xuất giải pháp để đảm bảo triển khai có hiệu quả công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

Kiến nghị đối với cấp có thẩm quyền để giải quyết những khó khăn, vướng mắc về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

## PHẦN D

## DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHÔNG THỰC HIỆN BÁO CÁO HOẶC THỰC HIỆN NHƯNG KHÔNG ĐẢM BẢO VỀ THỜI HẠN, NỘI DUNG THEO YÊU CẦU

| Stt | TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC | KHÔNG THỰC HIỆN BÁO CÁO | BÁO CÁO KHÔNG ĐẢM BẢO VỀ THỜI HẠN, NỘI DUNG THEO YÊU CẦU | |
|---|---|---|---|---|
| | | | VỀ THỜI HẠN | VỀ NỘI DUNG |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| 3 | | | | |
| 4 | | | | |
| 5 | | | | |
| 6 | | | | |
| 7 | | | | |
| 8 | | | | |
| 9 | | | | |
| 10 | | | | |
| …. | | | | |

***Ghi chú:***

*- Phần này tổng hợp danh sách cơ quan, đơn vị không thực hiện báo cáo hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo về thời hạn, nội dung theo yêu cầu. Trường hợp báo cáo đầy đủ theo yêu cầu thì không cần đưa phần này vào báo cáo.*

*- Đánh dấu "X" vào ô tương ứng.*

**BIỂU SỐ 01**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU**
**CÁC GÓI THẦU THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM A KHOẢN 1 ĐIỀU 2 VÀ ĐIỂM A KHOẢN 2 ĐIỀU 2 LUẬT ĐẤU THẦU SỐ 22/2023/QH15**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC | | | Dự án quan trọng quốc gia (1) | | | | Dự án nhóm A (2) | | | | Dự án nhóm B (3) | | | | Dự án nhóm C (4) | | | | Cộng (1 + 2 + 3 +4) | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch |
| ***I. THEO LĨNH VỰC ĐẤU THẦU*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Phí tư vấn | | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2. Tư vấn | | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3. Mua sắm hàng hoá | | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4. Xây lắp | | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5. Hỗn hợp | | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Tổng cộng I** | | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ***II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Đấu thầu rộng rãi | Trong nước | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC | | | Dự án quan trọng quốc gia (1) | | | | Dự án nhóm A (2) | | | | Dự án nhóm B (3) | | | | Dự án nhóm C (4) | | | | Cộng (1 + 2 + 3 +4) | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch |
| 2. Đấu thầu hạn chế | Trong nước | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3. Chỉ định thầu | Trong nước | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4.Chào hàng cạnh tranh | Trong nước | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5. Mua sắm trực tiếp | Trong nước | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6. Tự thực hiện | Trong nước | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt | Trong nước | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8. Tham gia thực hiện của cộng đồng | Trong nước | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9. Đàm phán giá | Trong nước | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC | | | Dự án quan trọng quốc gia (1) | | | | Dự án nhóm A (2) | | | | Dự án nhóm B (3) | | | | Dự án nhóm C (4) | | | | Cộng (1 + 2 + 3 +4) | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch |
| 10. Mua sắm trực tuyến | Trong nước | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 11. Chào giá trực tuyến | Trong nước | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Tổng cộng II** | | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

***Ghi chú: Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm các gói thầu sử dụng vốn đối ứng trong dự án ODA***

**** Riêng đối với các gói thầu sử dụng nguồn mua sắm thường xuyên thì không báo cáo tại Biểu này mà báo cáo tại Biểu số 02A***

***** Mua sắm tập trung (dự án) được tổng hợp tại Biểu này đồng thời tổng hợp tại Biểu số 04***

***KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)***

***QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng***

*....., ngày ..... tháng ..... năm……*

**Người báo cáo**

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

**BIỂU SỐ 02A**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU**
**GÓI THẦU THUỘC DỰ TOÁN MUA SẮM QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM A KHOẢN 1 ĐIỀU 2 LUẬT ĐẤU THẦU SỐ 22/2023/QH15**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC | | | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| ***I. THEO LĨNH VỰC ĐẤU THẦU*** | | | | | | |
| 1. Phí tư vấn | | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |
| 2. Tư vấn | | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |
| 3. Mua sắm hàng hoá | | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |
| 4. Xây lắp | | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |
| 5. Hỗn hợp | | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |
| **Tổng cộng I** | | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |
| ***II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU*** | | | | | | |
| 1. Rộng rãi | Trong nước | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | |
| 2. Hạn chế | Trong nước | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | |
| 3. Chỉ định thầu | Trong nước | KQM | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | |
| 4. Chào hàng cạnh tranh | Trong nước | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | |
| 5. Mua sắm trực tiếp | Trong nước | KQM | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | |
| 6. Tự thực hiện | Trong nước | KQM | | | | |
| 7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt | Trong nước | KQM | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | |
| 8. Tham gia thực hiện của cộng đồng | Trong nước | KQM | | | | |
| 9. Đàm phán giá | Trong nước | KQM | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | |
| 10. Mua sắm trực tuyến | Trong nước | QM | | | | |
| 11. Chào giá trực tuyến | Trong nước | QM | | | | |
| **Tổng cộng II** | | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |

***Ghi chú: Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả (1) gói thầu dùng vốn đối ứng trong dự án ODA đã được cân đối trong nguồn chi thường xuyên và (2) mua sắm tập trung được tổng hợp tại Biểu số 04. Không bao gồm số liệu được tổng hợp tại biểu số 2B***

***KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)***

***QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng***

*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

**Người báo cáo**

*(tên, số điện thoại, địa chỉ email)*

**BIỂU SỐ 02B**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU**
**GÓI THẦU THUỘC ĐIỂM B, C KHOẢN 1 ĐIỀU 2 VÀ ĐIỂM B KHOẢN 2 ĐIỀU 2 LUẬT ĐẤU THẦU SỐ 22/2023/QH15**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC | | | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| ***I. THEO LĨNH VỰC ĐẤU THẦU*** | | | | | | |
| 1. Phí tư vấn | | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |
| 2. Tư vấn | | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |
| 3. Mua sắm hàng hoá | | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |
| 4. Xây lắp | | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |
| 5. Hỗn hợp | | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |
| **Tổng cộng I** | | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |
| ***II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU*** | | | | | | |
| 1. Rộng rãi | Trong nước | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | |
| 2. Hạn chế | Trong nước | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | |
| 3. Chỉ định thầu | Trong nước | KQM | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | |
| 4. Chào hàng cạnh tranh | Trong nước | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | |
| 5. Mua sắm trực tiếp | Trong nước | KQM | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | |
| 6. Tự thực hiện | Trong nước | KQM | | | | |
| 7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt | Trong nước | KQM | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | |
| 8. Tham gia thực hiện của cộng đồng | Trong nước | KQM | | | | |
| 9. Đàm phán giá | Trong nước | KQM | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | |
| 10. Mua sắm trực tuyến | Trong nước | QM | | | | |
| 11. Chào giá trực tuyến | Trong nước | QM | | | | |
| **Tổng cộng II** | | KQM | | | | |
| | | QM | | | | |

***Ghi chú:***
***KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)***
***QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng***

*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*
**Người báo cáo**
*(tên, số điện thoại, địa chỉ email)*

**BIỂU SỐ 03**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU**
**GÓI THẦU THUỘC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC | | | Dự án quan trọng quốc gia (1) | | | | Dự án nhóm A (2) | | | | Dự án nhóm B (3) | | | | Dự án nhóm C (4) | | | | Cộng (1 + 2 + 3 +4) | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch |
| ***I. THEO LĨNH VỰC ĐẤU THẦU*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Phí tư vấn | | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2. Tư vấn | | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3. Mua sắm hàng hoá | | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4. Xây lắp | | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5. Hỗn hợp | | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Tổng cộng I** | | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ***II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Rộng rãi (ICS, QCBS, QBS, FBS, LCS, CQS, ICB, NCB...) | Trong nước | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2. Hạn chế (LIB...) | Trong nước | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC | | | Dự án quan trọng quốc gia (1) | | | | Dự án nhóm A (2) | | | | Dự án nhóm B (3) | | | | Dự án nhóm C (4) | | | | Cộng (1 + 2 + 3 +4) | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch | Tổng số gói thầu | Tổng giá gói thầu | Tổng giá trúng thầu | Chênh lệch |
| 3. Chỉ định thầu (SSS, Direct contracting...) | Trong nước | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4. Chào hàng cạnh tranh (shopping) | Trong nước | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5. Mua sắm trực tiếp (repeat order) | Trong nước | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6. Tự thực hiện (force account) | Trong nước | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7. Tham gia thực hiện của cộng đồng | Trong nước | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8. Đàm phán giá | Trong nước | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Quốc tế | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9. Mua sắm trực tuyến | Trong nước | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 10. Chào giá trực tuyến | Trong nước | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Tổng cộng II** | | KQM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | QM | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

***Ghi chú: Phần đối ứng ngân sách nhà nước của các dự án này, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu số 01***
***Nguồn vốn ODA và vay ưu đãi đã được cân đối trong chi thường xuyên, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu số 02A***
***KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)***
***QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng***

*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

**Người báo cáo**

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

**BIỂU SỐ 04**

**Biểu số liệu cụ thể về công tác lựa chọn nhà thầu theo phương thức mua sắm tập trung**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Nội dung | Giá gói thầu | Mặt hàng mua sắm | Số lượng mua sắm | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HSĐX | Số lượng nhà thầu vào bước đánh giá tài chính | Nhà thầu trúng thầu | Giá trúng thầu | Giá hợp đồng | Loại hợp đồng | Cách thức thực hiện (ký thoả thuận khung/ký trực tiếp hợp đồng) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I. Tên đơn vị mua sắm** | | | | | | | | | | | |
| **1. Dự án/Dự toán mua sắm 1** | | | | | | | | | | | |
| 1.1. Tên gói thầu 1 | | | | | | | | | | | |
| 1.2. Tên gói thầu 2 | | | | | | | | | | | |
| ..... | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng I | | | | | | | | | | | |
| **II. Tên đơn vị mua sắm** | | | | | | | | | | | |
| **1. Dự án/Dự toán mua sắm 1** | | | | | | | | | | | |
| 1.1. Tên gói thầu 1 | | | | | | | | | | | |
| 1.2. Tên gói thầu 2 | | | | | | | | | | | |
| ..... | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng II | | | | | | | | | | | |
| **III. Tổng cộng (I+II+...)** | | | | | | | | | | | |

***Ghi chú: Mua sắm tập trung tổng hợp tại biểu này đồng thời tổng hợp tại Biểu số 01 và Biểu số 02A***

*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

**Người báo cáo**

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

**BIỂU SỐ 05**

**Biểu tổng hợp kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Nội dung | Thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định (CPTPP, EVFTA, UKVFTA) | Giá gói thầu | Giá trị của tuỳ chọn mua thêm (nếu có) | Lĩnh vực lựa chọn nhà thầu *(Tư vấn, phi tư vấn, mua sắm hàng hoá, dịch vụ xây dựng)* | Hình thức lựa chọn nhà thầu *(đấu thầu rộng rãi nội khối/quốc tế, chỉ định thầu nội khối/quốc tế)* | Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HSĐX | Số lượng nhà thầu vào bước đánh giá tài chính | Nhà thầu trúng thầu | Giá trúng thầu | Giá hợp đồng | Loại hợp đồng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I. Tên cơ quan mua sắm 1** | | | | | | | | | | | |
| **1. Dự án, dự toán mua sắm 1** | | | | | | | | | | | |
| 1.1. Tên gói thầu 1 | | | | | | | | | | | |
| 1.2. Tên gói thầu 2 | | | | | | | | | | | |
| ..... | | | | | | | | | | | |
| **1. Dự án, dự toán mua sắm 2** | | | | | | | | | | | |
| 1.1. Tên gói thầu 1 | | | | | | | | | | | |
| ..... | | | | | | | | | | | |
| **Tổng cộng I** | | | | | | | | | | | |
| **II. Tên cơ quan mua sắm 2** | | | | | | | | | | | |
| **1. Dự án, dự toán mua sắm 1** | | | | | | | | | | | |
| 1.1. Tên gói thầu 1 | | | | | | | | | | | |
| ..... | | | | | | | | | | | |
| **1. Dự án, dự toán mua sắm 2** | | | | | | | | | | | |
| 1.1. Tên gói thầu 1 | | | | | | | | | | | |
| ..... | | | | | | | | | | | |
| **Tổng cộng II** | | | | | | | | | | | |
| **III. Tổng cộng (I+II+...)** | | | | | | | | | | | |

*Ghi chú: Các cơ quan mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA phải báo cáo nội dung tại Biểu này.*

*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

**Người báo cáo**

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

**BIỂU SỐ 06**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẤU THẦU SỐ 43/2013/QH13, NGHỊ ĐỊNH SỐ 25/2020/NĐ-CP VÀ VĂN BẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (NẾU CÓ)**

| TT | Tên dự án | Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng) | Diện tích sử dụng đất (ha) | Loại công trình dự án (1) | | | | Công bố danh mục dự án (2) | | Số lượng nhà đầu tư nộp Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án | Số lượng nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm | Gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (3) | | Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (4) | | | | | | Chấp thuận NĐT (5) | Chưa xác định hình thức LCNĐT | Số lượng NĐT mua/ nhận HSMT HSYC | Số lượng nhà đầu tư nộp HSĐT /HSĐX | Giá trị nộp ngân sách nhà nước | | Số lượng nhà đầu tư nộp HSĐT/ HSĐX | Kết quả lựa chọn nhà đầu tư (6) | Thời điểm ký kết hợp đồng dự án (7) | Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất NĐT phải nộp sau khi được giao đất, cho thuê đất |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Khu đô thị, nhà ở thương mại | Trụ sở, văn phòng làm việc | Công trình thương mại, dịch vụ | Công trình dân dụng có một hoặc nhiều công năng | Thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư | Không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư | | | Có gia hạn | Không gia hạn | Đấu thầu rộng rãi | | Chỉ định NĐT | | LCNĐT trong trường hợp đặc biệt | | | | | | Yêu cầu trong HSMT/ HSYC ($m^3$) | Đề xuất trong HSĐT/HSĐX hoặc được đề nghị trúng thầu ($M^3$) | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | Trong nước | Quốc tế | Trong nước | Quốc tế | Trong nước | Quốc tế | | | | | | | | | | | |
| | **1. Dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | .... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng | *(số dự án)* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | **2. Dự án do nhà đầu tư đề xuất** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | .... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng | *(số dự án)* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú:

(1): Ghi "X" đối với loại công trình của dự án

(2): Ghi "X" đối với trường hợp đã công bố danh mục dự án trên Hệ thống mạng đấu giá quốc gia

(3): Trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, ghi "X" vào trường hợp có gia hạn hoặc không gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

(4): Ghi "X" vào hình thức lựa chọn nhà đầu tư tương ứng

(5): Ghi "X" trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm

(6): Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn

(7): Định dạng "ngày/tháng/năm"

*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

**Người báo cáo**

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

**BIỂU SỐ 07**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN PHẢI TỔ CHỨC ĐẤU THẦU THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT QUẢN LÝ NGÀNH, LĨNH VỰC THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẤU THẦU SỐ 22/2023/QH15, NGHỊ ĐỊNH SỐ 23/2024/NĐ-CP VÀ VĂN BẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (NẾU CÓ)**

| TT | Tên dự án | Tổng vốn đầu tư dự án (tỷ đồng) | Diện tích sử dụng đất (ha) (Nếu có) | Lĩnh vực đầu tư (1) | Công bố dự án (2) | | Số lượng nhà đầu tư nộp Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (Nếu áp dụng) | Số lượng nhà đầu tư đáp ứng Hồ sơ mời quan tâm (Nếu áp dụng) | Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (3) | | | | Chấp thuận NĐT (4) | Chưa xác định hình thức LCNĐT | Số lượng nhà đầu tư mua/nhận HSMT | Số lượng nhà đầu tư nộp HSDT | Kết quả lựa chọn nhà đầu tư (5) | Thời điểm ký kết hợp đồng dự án | Nguyên tắc xét duyệt trúng thầu (6) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư | Không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư | | | Đấu thầu rộng rãi | | Đấu thầu hạn chế | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | Trong nước | Quốc tế | Trong nước | Quốc tế | | | | | | | |
| | **1. Dự án do cơ quan có thẩm quyền lập** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | .... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Tổng** | ***(số dự án)*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | **2. Dự án do nhà đầu tư đề xuất** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dự án 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | .... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Tổng** | ***(số dự án)*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú:

(1): Ghi lĩnh vực đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP

(2): Ghi "X" đối với trường hợp đã công bố danh mục dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

(3): Ghi "X" vào hình thức lựa chọn nhà đầu tư tương ứng

(4): Ghi "X" trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm

(5): Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn

(6): Ghi một trong các tiêu chuẩn quy định tại Điều 47 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP

*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

**Người báo cáo**

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

# PHỤ LỤC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

**Phụ lục 1:** Biên bản đóng thầu

**Phụ lục 2A:** Biên bản mở thầu (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)

**Phụ lục 2B:** Biên bản mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

**Phụ lục 2C:** Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

**Phụ lục 3:** Quyết định kiểm tra

**Phụ lục 4:** Thông báo kiểm tra

**Phụ lục 5:** Biên bản công bố Quyết định kiểm tra

**Phụ lục 6:** Thông báo kết thúc kiểm tra trực tiếp

**Phụ lục 1**

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
**[TÊN BÊN MỜI THẦU]**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*____, ngày ____ tháng ____ năm ____*

# BIÊN BẢN ĐÓNG THẦU(1)

## A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án/dự toán mua sắm: _____ *[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].*

II. Tên gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].*

III. Bên mời thầu và các nhà thầu nộp HSDT:

1. Bên mời thầu: _____ *[Ghi tên thành viên tiếp nhận HSDT].*

2. Danh sách các nhà thầu nộp HSDT tính đến thời điểm đóng thầu:

| Stt | Tên nhà thầu | Địa chỉ | Số điện thoại, fax | Tình trạng niêm phong | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | |
| | | | | | |

3. Các nhà thầu có văn bản đề nghị rút, thay thế, sửa đổi, bổ sung HSDT (nếu có): _____ *[Ghi tên, địa chỉ của nhà thầu].*

## B. CÁC THÔNG TIN KHÁC (NẾU CÓ)

Thời điểm đóng thầu:____ [ghi thời điểm đóng thầu] tại _____ *[ghi địa điểm đóng thầu].*

Chữ ký của Bên mời thầu _____

*[Đại diện Bên mời thầu ký tên, đóng dấu (nếu có)].*

*Ghi chú:*

*(1) Chỉ áp dụng cho đấu thầu không qua mạng, trường hợp không cần thiết thì không cần lập mẫu này.*

**Phụ lục 2A**

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
**[TÊN BÊN MỜI THẦU]**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*____, ngày ____ tháng ____ năm ____*

# BIÊN BẢN MỞ THẦU

(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)

Lễ mở thầu được bắt đầu vào lúc _____ *[Ghi thời điểm mở thầu]* tại ____ *[Ghi địa điểm mở thầu]*.

## A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án/dự toán mua sắm: _____ *[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]*.

II. Tên gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu theo KHLCNT]*.

III. Danh sách nhà thầu

1. Các nhà thầu nộp HSDT theo đúng quy định: _____ *[Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu]*.

2. Các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): _____ *[Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu]*.

3. Các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT (nếu có): _____ *[Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT]*.

## B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ THẦU

| Stt | Các thông tin chủ yếu | Nhà thầu A | Nhà thầu B | ... |
|---|---|---|---|---|
| 1. | Văn bản đề nghị rút HSDT (nếu có) | | | |
| 2. | Tình trạng niêm phong của HSDT trước khi mở | | | |
| 3. | Bản gốc HSDT | | | |
| 4. | Số lượng bản chụp HSDT | | | |
| 5. | Thời gian có hiệu lực của *HSDT (ghi rõ thời gian có hiệu lực của HSDT nêu trong đơn dự thầu)* | | | |

| Stt | Các thông tin chủ yếu | Nhà thầu A | Nhà thầu B | ... |
|---|---|---|---|---|
| 6. | Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu (chưa trừ giá trị giảm giá, nếu có) | | | |
| 7. | Giảm giá (nếu có) | | | |
| 8. | Giá dự thầu sau giảm giá | | | |
| 9. | Giá dự thầu trong bảng tổng hợp giá dự thầu | | | |
| 10. | Hình thức, giá trị và thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu | | | |
| 11. | Thời gian thực hiện gói thầu ghi trong đơn dự thầu | | | |

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở thầu (nếu có).

**C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)**

_____ *[Bên mời thầu điền các thông tin liên quan khác (nếu có)].*

Bản chụp biên bản mở thầu được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở thầu kết thúc vào: _____ *[Ghi thời điểm kết thúc lễ mở thầu]*

Chữ ký của đại diện Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu:

_____

*Ghi chú:*

*Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc các tài liệu sau: đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDT. Việc mở thầu tuân thủ theo quy định của Luật đấu thầu và quy định pháp luật hiện hành.*

**Phụ lục 2B**

| | |
|---|---|
| [TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]<br>**[TÊN BÊN MỜI THẦU]** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*_____, ngày _____ tháng _____ năm _____*

**BIÊN BẢN**
**MỞ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT**
(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Lễ mở thầu được bắt đầu vào lúc _____ *[Ghi thời điểm mở thầu]* tại _____ *[Ghi địa điểm mở thầu].*

**A. CÁC THÔNG TIN CHUNG**

I. Tên dự án/dự toán mua sắm: _____ *[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].*

II. Tên gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].*

III. Danh sách nhà thầu

1. Các nhà thầu nộp HSDT theo đúng quy định: _____ *[Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu].*

2. Các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): _____ *[Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu].*

3. Các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT (nếu có): _____ *[Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT].*

**B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ HSĐXKT**

| Stt | Các thông tin chủ yếu | Nhà thầu A | Nhà thầu B | ... |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Văn bản đề nghị rút HSDT (nếu có) | | | |
| 2 | Tình trạng niêm phong của HSDT trước khi mở | | | |
| 3 | Bản gốc HSĐXKT | | | |
| 4 | Số lượng bản chụp HSĐXKT | | | |

| Stt | Các thông tin chủ yếu | Nhà thầu A | Nhà thầu B | ... |
|---|---|---|---|---|
| 5 | Thời gian có hiệu lực của HSĐXKT *(ghi rõ thời gian có hiệu lực của HSĐXKT nêu trong đơn dự thầu)* | | | |
| 6 | Hình thức, giá trị và thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu(1) | | | |
| 7 | Thời gian thực hiện gói thầu ghi trong đơn dự thầu | | | |
| 8 | Tình trạng niêm phong của HSĐXTC | | | |

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở HSĐXKT (nếu có).

**C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)**

_____ *[Bên mời thầu điền các thông tin liên quan khác (nếu có)].*

Bản chụp biên bản mở thầu được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở HSĐXKT kết thúc vào: _____ *[Ghi thời điểm kết thúc lễ mở HSĐXKT].*

Chữ ký của đại diện Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở HSĐXKT:

_____

*Ghi chú:*

*Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc các tài liệu sau: đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung quan trọng của từng HSĐXKT.*

*HSĐXTC của tất cả các nhà thầu phải được Bên mời thầu niêm phong trong một túi riêng biệt và được đại diện của Bên mời thầu, nhà thầu tham dự lễ mở thầu ký niêm phong.*

*Việc mở HSĐXKT tuân thủ theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định 24/2024/NĐ-CP và HSMT*

*(1) Bỏ nội dung này đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.*

**Phụ lục 2C**

| | |
|---|---|
| [TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]<br>**[TÊN BÊN MỜI THẦU]** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*____, ngày ____ tháng ____ năm ____*

**BIÊN BẢN**
**MỞ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH**
(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Lễ mở HSĐXTC được bắt đầu vào lúc _____ *[Ghi thời điểm mở HSĐXTC]* tại ____ *[Ghi địa điểm mở HSĐXTC].*

**A. CÁC THÔNG TIN CHUNG**

I. Tên dự án/dự toán mua sắm: _____ *[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].*

II. Tên gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].*

III. Danh sách nhà thầu tham dự:_____ *[Ghi tên các nhà thầu].*

**B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ HSĐXTC**

| Stt | Các thông tin chủ yếu | Nhà thầu A | Nhà thầu B | ... |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tình trạng niêm phong của HSĐXTC | | | |
| 2 | Điểm kỹ thuật của các HSDT được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật | | | |
| 3 | Bản gốc HSĐXTC | | | |
| 4 | Số lượng bản chụp HSĐXTC | | | |
| 5 | Đơn dự thầu thuộc HSĐXTC | | | |
| 6 | Thời gian có hiệu lực của HSĐXTC | | | |
| 7 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu chưa trừ giá trị giảm giá, nếu có) | | | |
| 8 | Giá trị giảm giá (nếu có) | | | |

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở HSĐXTC (nếu có).

**C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)**

_____ *[Bên mời thầu điền các thông tin liên quan khác (nếu có)].*

Bản chụp biên bản mở HSĐXTC được gửi đến tất cả các bên tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở HSĐXTC kết thúc vào: _____ *[Ghi thời điểm kết thúc lễ mở HSĐXTC].*

Chữ ký của đại diện Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở HSĐXTC:

_____

*Ghi chú:*

*Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào tất cả các trang bản gốc của HSĐXTC.*

**Phụ lục 3**

| | |
|---|---|
| **TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:…/… | *……, ngày…… tháng…… năm……* |

# QUYẾT ĐỊNH
**Về việc kiểm tra……[1] tại……[2]**

***[NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA]***

*Căn cứ..... [nêu các căn cứ để thực hiện kiểm tra];*

*Xét đề nghị của..... [ghi chức danh người đứng đầu đơn vị thực hiện kiểm tra];*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Đoàn kiểm tra……[1] tại……[2] gồm các thành viên sau:

1. Ông (Bà)....., Trưởng đoàn;

2. Ông (Bà)....., Phó Trưởng đoàn;

3. Ông (Bà)....., Thư ký đoàn;

4. Ông (Bà)....., Thành viên;

5.....

**Điều 2.** Mục đích, nội dung và phạm vi, đối tượng kiểm tra

1. Mục đích kiểm tra:…

2. Nội dung và phạm vi kiểm tra:...

3. Đối tượng kiểm tra:…

**Điều 3.** Thời gian kiểm tra

1. Dự kiến thời gian kiểm tra:...

2. Thời gian hoàn thành Báo cáo kiểm tra và Kết luận kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 120 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

---

[1]Ghi nội dung hoạt động đấu thầu được kiểm tra.

[2]Ghi tên đơn vị được kiểm tra.

**Điều 4.** Tổ chức thực hiện

1. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch kiểm tra chi tiết, tiến hành theo đúng mục đích, nội dung, tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra theo quy định.

2. Trưởng đoàn và các thành viên Đoàn kiểm tra thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 115 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

3. Đoàn kiểm tra tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ và Kết luận kiểm tra được phê duyệt.

4. Nội dung khác (nếu cần thiết).

**Điều 5.** Kinh phí hoạt động của Đoàn kiểm tra

*[Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 120 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.]*

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) có tên tại Điều 1 và *[cá nhân có liên quan]* chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
*[Ghi nơi nhận]*

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA**
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Phụ lục 4**

| | |
|---|---|
| **TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA HOẶC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN KIỂM TRA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:.../....<br>V/v kiểm tra……[1] | *....., ngày..... tháng..... năm.....* |

Kính gửi:……....[2]

*Căn cứ…… [Nêu các căn cứ để thực hiện kiểm tra];*

.....[3] thông báo tới đơn vị được kiểm tra về việc kiểm tra……[1] (kèm theo Kế hoạch kiểm tra chi tiết) và đề nghị đơn vị được kiểm tra phối hợp với Đoàn kiểm tra để thực hiện việc kiểm tra theo các nội dung sau:

1. Báo cáo bằng văn bản theo các nội dung yêu cầu tại Kế hoạch kiểm tra chi tiết.

2. Tổ chức cuộc họp giữa Đoàn kiểm tra với đơn vị được kiểm tra để công bố Quyết định kiểm tra vào ...[4]

3. Các đơn vị được kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan phục vụ việc kiểm tra.

Đề nghị đơn vị được kiểm tra hỗ trợ và phối hợp thực hiện./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>*[Ghi nơi nhận]* | **NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA HOẶC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN KIỂM TRA**<br>*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

[1]Ghi nội dung hoạt động đấu thầu được kiểm tra.

[2]Ghi tên đơn vị được kiểm tra.

[3]Ghi tên cơ quan có thẩm quyền kiểm tra hoặc tên đơn vị thực hiện kiểm tra.

[4]Ghi thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp.

**Phụ lục 5**

| | |
|---|---|
| **TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **Đoàn kiểm tra ...** | *....., ngày..... tháng..... năm.....* |

**BIÊN BẢN**
**Công bố Quyết định kiểm tra**

*[Ghi thời gian, địa điểm công bố Quyết định],* Đoàn kiểm tra thực hiện công bố Quyết định kiểm tra.....[1] như sau:

**I. THÀNH PHẦN**

1. Đoàn kiểm tra:

- Ông (Bà)....., Trưởng đoàn;

- Ông (Bà)....., Phó trưởng đoàn;

Cùng các thành viên Đoàn kiểm tra theo thành lập theo Quyết định số..... ngày..... của.....

2. Đại diện đơn vị được kiểm tra:

- Ông (Bà)....., Chức vụ:.....

3. Đại diện lãnh đạo các chủ đầu tư/ban quản lý dự án..... thuộc đơn vị được kiểm tra.

4. Đại diện tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có).

**II. NỘI DUNG**

*[Ghi nội dung trong Hội nghị công bố Quyết định]*

Việc công bố Quyết định kiểm tra kết thúc vào..... *[ghi thời gian kết thúc Hội nghị].*

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

| | |
|---|---|
| **ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA**<br>*[Ký và ghi rõ họ tên]* | **TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**<br>*[Ký và ghi rõ họ tên]* |

[1]Ghi số, ký hiệu, ngày ký Quyết định, chức danh người ký Quyết định và nội dung hoạt động đấu thầu được kiểm tra.

**Phụ lục 6**

| | |
|---|---|
| **TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **Đoàn kiểm tra ...** | *....., ngày..... tháng..... năm .....* |

# THÔNG BÁO

**Về việc kết thúc kiểm tra trực tiếp tại.....[1]**

Kính gửi:.....[1]

Thực hiện Quyết định kiểm tra..... *[nêu số, ký hiệu, ngày ký Quyết định, chức danh người ký Quyết định và nội dung hoạt động đấu thầu được kiểm tra],* Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra từ ngày..... /..... /..... đến ngày ..... /..... /.....[2] tại….....…[1]

*[Ghi các nội dung chính có liên quan về việc thông báo kết thúc kiểm tra trực tiếp như: việc đánh giá sơ bộ của Đoàn kiểm tra, việc cung cấp tài liệu và phối hợp trong việc xây dựng dự thảo Báo cáo kiểm tra,…]*

Đoàn kiểm tra thông báo đến….....[1] để biết.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>- *[Ghi nơi nhận];*<br>- Lưu hồ sơ Đoàn kiểm tra. | **TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**<br>*[Ký và ghi rõ họ tên]* |

[1]Ghi tên đơn vị được kiểm tra.

[2]Ghi cụ thể thời gian thực hiện kiểm tra.